

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025**

(Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trường THCS Vĩnh Niệm

2. Địa chỉ

- Số 29 Vĩnh Cát, đường Thiên Lôì, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Email: thcsvinhniem@pgdlechan.edu.vn
- Webside: thcsvinhniem.haiphong.edu.vn
- Facebook: THCS Vĩnh Niệm - Quận Lê Chân - Thành Phố Hải Phòng

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

- Loại hình giáo dục: Công lập
- Cơ quan quản lý: UBND Quận Lê Chân.

4. Sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu.

a, Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực có nền nếp, kỉ cương, đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kĩ năng ứng dụng của mình.

b, Tầm nhìn

- Trở thành ngôi trường có chất lượng đào tạo giáo dục cao, đào tạo những lớp học sinh khỏe về thể chất, mạnh về trí lực. Hướng tới phát triển toàn diện cho học sinh, có kĩ năng sống, luôn năng động sáng tạo, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

c, Mục tiêu giáo dục

- Trường THCS Vĩnh Niệm luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục giúp học sinh phát huy hết những năng lực, tiềm năng của bản thân để trở thành ngôi trường đạt chất lượng nằm trong tốp đầu của thành phố.

5. Quá trình hình thành và phát triển.

- Trường THCS Vĩnh Niệm (Địa chỉ: số 29 Vĩnh Cát, đường Thiên Lôì, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng). Trường được thành lập vào năm 1965 với tên gọi Trường phổ thông cấp II Vĩnh Niệm. Năm học 1992 - 1993 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Huyện An Hải, Trường phổ thông cấp 1+2 Vĩnh Niệm được tách ra thành trường Tiểu học Vĩnh Niệm và Trường THCS Vĩnh Niệm. Đặc biệt, năm học 1968 - 1969, do có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Hai tốt", tự làm đồ dùng giảng dạy,... nên nhà trường vinh dự được đón nhận thư khen ngợi của Bác Hồ kèm tấm hình chân dung của Người với dòng chữ: "Bác mong

các cô giáo thi đua dạy càng ngày càng tốt hơn nữa. Các cháu học trò thi đua càng ngày càng giỏi hơn nữa. Bác mong các trường khác thi đua với Trường Vĩnh Niệm".

Tháng 4/2003 theo Quyết định của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hải Phòng. Theo đó, xã Vĩnh Niệm được sáp nhập với Quận Lê Chân. Trường THCS Vĩnh Niệm cũng được bàn giao, chịu sự quản lý của Phòng giáo dục Quận Lê Chân.

6. Thông tin người đại diện.

- Họ và tên: Bùi Tố Nhân
- Chức vụ: Bí thư chi bộ Hiệu trưởng nhà trường
- Nơi làm việc: số 29 Vĩnh Cát, đường Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0906056492
- Gmail: tonhanhd77@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy.

a, Quyết định thành lập.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, danh sách thành viên hội đồng trường.

*** Quyết định công nhận hội đồng trường**

- Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc công nhận Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc Kiện toàn Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm nhiệm kỳ 2021-2026.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG –TRƯỜNG THCS VĨNH NIỆM

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bùi Tố Nhân	Bí thư chi bộ Hiệu trưởng	
2	Trần Thị Bích Ngọc	Phó Bí thư chi bộ Phó Hiệu trưởng	
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Bí thư Chi đoàn giáo viên	
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Cấp ủy chi bộ Chủ tịch Công đoàn	
5	Vũ Thị Hải	Tổ trưởng tổ KHTN	
6	Đặng Thị Thu Hoài	Tổ trưởng tổ KHXXH	
7	Hà Thị Phượng	Kế toán	

8	Nguyễn Thị Khuyên	Giáo viên	
9	Nguyễn Thị Lợi	Trưởng ban đại diện CMHS	
10	Phạm Thị Lan Anh	Phó chủ tịch UBND phường Vĩnh Niệm	
11	Vũ Việt Anh	Học sinh lớp 7C5	

Danh sách trên gồm 11 người./.

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm

- Ban giám hiệu trường THCS Vĩnh Niệm được UBND quận Lê Chân bổ nhiệm gồm 2 đồng chí; tính đến năm học 2024-2025 đồng chí Hiệu trưởng Bùi Tố Nhân được tuyển dụng năm 1998, có số năm công tác là 26 năm (trong đó thời gian tập sự là 01 năm), số năm làm công tác quản lý là 12 năm (trong đó 7 năm làm Phó hiệu trưởng, 5 năm làm Hiệu trưởng). Đồng chí làm Hiệu trưởng trường THCS Vĩnh Niệm theo QĐ số 3636/ QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND quận Lê Chân. Đồng chí Nguyễn Anh Tuấn- nguyên Hiệu trưởng, nghỉ hưu ngày 01 tháng 12 năm 2019, đồng chí làm Hiệu trưởng trường THCS Vĩnh Niệm theo QĐ số 2604/ QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2014 của UBND quận Lê Chân.

Đồng chí Phó hiệu trưởng Trần Thị Bích Ngọc được tuyển dụng năm 2007, có số năm công tác là 17 năm (thời gian tập sự 01 năm), số năm làm Phó hiệu trưởng trường THCS Võ Thị Sáu là 5 năm, số năm làm Phó hiệu trưởng trường THCS Vĩnh Niệm là 3 năm, chiếu theo QĐ số 2719/ QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2012 và quyết định bổ nhiệm lại số 3579/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của UBND quận Lê Chân.

d, Quy chế tổ chức và hoạt động

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm.

Quy chế này áp dụng đối với: Các tổ chuyên môn, các bộ phận thuộc nhà trường; Cán bộ, công chức, viên chức trong nhà trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tên gọi, vị trí, chức năng

1. Tên trường: Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm.

Địa chỉ: Số 29 Vĩnh Cát, đường Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm là đơn vị sự nghiệp có chức năng dạy học và giáo dục học sinh; Có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; Có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường



1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; Tham gia tuyển dụng và điều động cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi cộng đồng.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

6. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

8. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân cấp quản lý

- Trường THCS Vĩnh Niệm do Ủy ban Nhân dân quận Lê Chân quản lý toàn diện và trực tiếp.

- Phòng Nội vụ tham mưu quản lý nhà nước về công tác nội vụ.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu, giúp UBND quận quản lý nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch quản lý nhà nước về công tác tài chính.

Ngoài ra, Trường THCS Vĩnh Niệm chịu sự quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và biên chế của nhà trường

1. Hiệu trưởng: 01 người, phụ trách chung

2. Phó hiệu trưởng: 01 người, phụ trách chuyên môn

3. Giúp việc Hiệu trưởng gồm các Tổ sau:

- Tổ Khoa học xã hội

- Tổ Khoa học tự nhiên

- Tổ Văn phòng

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng

Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước UBND quận, trước pháp luật về mọi hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng có những nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;
2. Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường được quy định trong Điều lệ Trường.
3. Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
4. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; Bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;
5. Quản lý giáo viên, nhân viên; Quản lý chuyên môn; Phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; Thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; Ký hợp đồng lao động; Tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo...theo phân cấp quản lý tổ chức bộ máy công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng và các văn bản của Nhà nước có liên quan.
6. Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; Xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
7. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;
8. Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;
9. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường;
10. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó hiệu trưởng

1. Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;
2. Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;
3. Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;
4. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trường

1. Tổ chuyên môn

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục, cán bộ làm công tác tư vấn cho học sinh của trường trung học được tổ chức thành Tổ chuyên môn theo môn học. Nhà trường có 02 Tổ chuyên môn. Mỗi Tổ chuyên môn có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của Tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn có những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của Tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường;

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; Tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành;

- Giới thiệu tổ trưởng, tổ phó;

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên.

- Tổ chuyên môn sinh hoạt hai tuần một lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

- Nhiệm vụ Tổ trưởng chuyên môn:

- + Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình theo kế hoạch công tác và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- + Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

- + Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH, họp tổ định kì.

- + Cùng BGH tổ chức kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường;

- + Lập và lưu trữ hồ sơ kiểm tra đánh giá GV.

- + Đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật đối với tổ viên.

- + Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường về thực hiện nhiệm vụ của Tổ.

- + Được tính 3 tiết/tuần.

- Nhiệm vụ của Tổ phó chuyên môn:

- + Ghi biên bản các cuộc họp.

- + Hỗ trợ Tổ trưởng trong công tác chuyên môn.

- + Điều hành các hoạt động của tổ khi tổ trưởng vắng mặt.

- Nhiệm vụ của các nhóm trưởng chuyên môn:

- + Phụ trách chuyên môn của nhóm
- + Điều hành sinh hoạt nhóm định kỳ và tổ chức ra đề kiểm tra, cùng BGH duyệt đề theo qui định
- + Ghi biên bản họp nhóm
- + Thực hiện chế độ thông tin 2 chiều theo qui định của trường, tổ chuyên môn.
- + Cùng nhóm chuyên môn thực hiện phân loại thiết bị dạy học theo tuần và sắp xếp hợp lý tiện cho sử dụng.

2. Tổ Văn phòng

- Nhà trường có một Tổ Văn phòng. Gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, thiết bị, thư viện và bảo vệ.
- Tổ Văn phòng có một Tổ trưởng, một Tổ phó do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ
- Các nhân viên hành chính có nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ cho công tác chuyên môn, thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; bảo quản, trông giữ trang thiết bị, tài sản và các công việc khác theo Đề án vị trí việc làm đã được UBND thành phố phê duyệt.
- Tổ Văn phòng sinh hoạt hai tuần một lần và họp đột xuất khi có nhu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Điều 9. Tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Nhà trường có 01 chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên

1. Nhiệm vụ của giáo viên

1.1. Giáo viên bộ môn có những nhiệm vụ sau đây:

- Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương;
- Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh;

- Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; Thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; Tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Giáo viên chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh;

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;

- Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lớp mình chủ nhiệm và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

- Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; Đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, học sinh phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ học sinh;

- Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.

1.3. Giáo viên thỉnh giảng cũng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định trong hợp đồng thỉnh giảng.

1.4. Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là giáo viên trung học được bồi dưỡng về công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đoàn trong nhà trường.

1.5. Giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là giáo viên THCS được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; Có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đội trong nhà trường.

1.6. Giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh là giáo viên trung học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; Có nhiệm vụ tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh để giúp các em vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập và sinh hoạt.

2. Quyền hạn của giáo viên

2.1. Giáo viên có những quyền sau đây:

- Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

- Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo;

- Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

- Được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành;

- Được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường và cơ sở giáo dục khác nếu thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quy định tại Điều 30 của Điều lệ này và được sự đồng ý của Hiệu trưởng;

- Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể;

- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Giáo viên chủ nhiệm ngoài các quyền quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những quyền sau đây:

- Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;

- Được dự các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng Kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình;

- Được dự các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm;

- Được quyền cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 3 ngày liên tục;

- Được giảm giờ lên lớp hàng tuần theo quy định khi làm chủ nhiệm lớp.

2.3. Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

2.4. Hiệu trưởng có thể phân công giáo viên làm công tác tư vấn chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giáo viên làm công tác tư vấn được bố trí chỗ làm việc riêng và được vận dụng hưởng các chế độ chính sách hiện hành.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên

1. Nhân viên Kế toán, Thủ quỹ

- Chịu trách nhiệm về sổ tài sản của nhà trường, đề xuất thanh lý, nhập xuất những thiết bị mau hỏng, rẻ tiền trong hoạt động chung của nhà trường.
- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời có hệ thống vấn đề thu chi theo quy định của chế độ kế toán.
- Quyết toán tài chính đúng quy định, thời gian, có phiếu đề xuất, kế hoạch chi của các bộ phận.
- Quản lý lao động, tiền lương của giáo viên, cán bộ công nhân viên, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Thẩm định giá, kí các hợp đồng kinh tế theo luật định.
- Quản lý và cập nhật sổ tài sản, sổ quản lí tài chính.
- Cùng các thành viên nhà trường thực hiện qui chế chi tiêu nội bộ .
- Thời gian làm việc theo giờ qui định của nhà trường
- Chịu trách nhiệm trước chủ tài khoản và cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

2. Nhân viên Văn thư, hành chính

- Quản lý công văn, tài liệu và con dấu theo qui định của pháp luật.
 - Quản lý và sắp xếp ngăn nắp các hồ sơ sổ sách: Sổ đăng bộ, sổ ghi tên ghi điểm, sổ ghi đầu bài, học bạ học sinh, sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi-đến, sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn, các loại giấy giới thiệu theo quy định của Luật Văn thư lưu trữ. Phối hợp cùng bộ phận chuyên môn kiểm tra hồ sơ nhà trường.
 - Thông báo những thông tin 2 chiều, cập nhật công văn đi, đến và chuyển đến các bộ phận xử lí.
 - Làm các công tác lễ tân, đối ngoại, tiếp khách theo yêu cầu của Ban Giám hiệu. Có trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài sản của bộ phận hành chính. Khi có khách đến liên hệ công việc, các thành viên phải hướng dẫn khách đến đúng người có thể giải quyết công việc (phải liên hệ trước bằng điện thoại, hoặc xin ý kiến trước).
 - Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí nơi làm việc, hội nghị, chỗ họp trong nhà trường.
 - Thời gian làm việc theo giờ qui định của nhà trường.
 - Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường về việc thực hiện nhiệm vụ trên.
- ### **3. Nhân viên Thư viện, Thiết bị thí nghiệm, Đồ dùng dạy học.**
- Xây dựng kế hoạch hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu.

- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và công tác quản lý của Ban Giám hiệu theo nghiệp vụ của mình.

- Thực hiện việc theo dõi thường xuyên, cập nhật kịp thời các số liệu về số lượng chủng loại: Sách, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học đã có, mới được cấp, mới mua thêm hoặc tự làm. Bố trí hợp lý theo khu vực treo (giá) sách, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học đáp ứng hiệu quả cao nhất cho nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên.

- Thực hiện theo dõi, ghi chép việc sử dụng sách, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học của giáo viên trong sổ mượn, trả. Quản lý chặt chẽ việc mượn-trả, tránh thất thoát, hỏng hóc trang thiết bị dạy học của nhà trường.

- Báo cáo kịp thời tình hình sử dụng sách, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học của giáo viên với Ban Giám hiệu mỗi tháng 1 lần, chủ động đề xuất các biện pháp hoặc kiến nghị nhằm quản lý, khai thác tối đa các trang thiết bị dạy học.

- Quản lý và cập nhật hồ sơ quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm, hồ sơ quản lý thư viện dưới sự chỉ đạo của đồng chí trong Ban Giám hiệu phụ trách, cán bộ phụ trách thiết bị có trách nhiệm phối hợp cùng giáo viên bộ môn có thực hành chuẩn bị thiết bị, hoá chất cho các tiết có thí nghiệm và thực hành.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng cơ sở vật chất.

- Làm công tác phổ cập giáo dục.

- Thời gian làm việc theo giờ quy định của nhà trường.

- Cán bộ phụ trách thiết bị và thư viện chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường về việc thực hiện nhiệm vụ trên.

4. Nhân viên Y tế trường học

- Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường (khi học sinh đang học và tham gia các hoạt động khác tại trường). Sau khi xử lý ban đầu cần thông báo cho cha mẹ học sinh biết để gia đình tiếp tục giải quyết và chuyển lên cơ sở y tế tuyến trên.

- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh. Phối hợp với gia đình học sinh trong việc phòng bệnh và chữa bệnh.

- Tổ chức thực hiện các chương trình, bảo vệ chăm sóc và giáo dục sức khoẻ của ngành y tế và giáo dục đào tạo triển khai trong năm học.

- Tuyên truyền phòng chống các bệnh tật học đường (cận thị, gù, vẹo cột sống, một số các bệnh thường mắc ở lứa tuổi học sinh). Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, học sinh trong công tác phòng chống dịch bệnh, sốt rét, HIV- AIDS... phòng chống các tệ nạn xã hội và thực hiện công tác dân số kế hoạch hoá gia đình.

- Tham gia triển khai, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp) an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ học sinh, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kỳ. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

- Quản lý và cập nhật hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh.



- Thời gian làm việc theo giờ qui định của nhà trường.

* Các nhân viên của tổ văn phòng ngoài việc thực hiện chức trách nhiệm, nhiệm vụ theo các chức năng còn phải kiêm nhiệm thêm các công việc khác theo sự phân công của hiệu trưởng nhà trường.

5. Nhân viên bảo vệ, nhân viên vệ sinh môi trường.

5.1. Nhiệm vụ chung

- Thường xuyên xem xét tình hình diễn biến hoạt động hàng ngày trong khu vực nhà trường. Kịp thời đề xuất những biện pháp bảo vệ an toàn chung của cơ quan về các mặt: tài sản con người, hòa hoãn, môi trường...

- Chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh, tài sản... trước nhà trường trong ca trực của mình.

- Thực hiện nghiêm chỉnh kịp thời các chủ trương kế hoạch, biện pháp, các yêu cầu của BGH về nhiệm vụ được giao.

5.2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Đối với bảo vệ

- Trong khi làm nhiệm vụ, ít nhất 1 người phải thường xuyên có mặt tại vị trí công tác. Không tiếp khách riêng, không tự ý cho mượn, cho thuê các vật tư, phương tiện thuộc cơ sở vật chất của nhà trường. Không để người ngoài tự do ra, vào hoặc gửi bất cứ vật gì vào trong trường.

- Thường xuyên quan sát, phát hiện, kịp thời ngăn chặn, không chế mọi biểu hiện tiêu cực có khả năng làm phương hại đến trật tự, an toàn về tài sản và con người trong khu vực nhà trường.

- Kịp thời báo cáo với lãnh đạo nhà trường về tình trạng cơ sở vật chất ở các lớp, các khu vực, các bộ phận. Chủ động khác phục hư hỏng nhẹ của cơ sở vật chất trong khả năng có thể. Báo cáo, đề xuất kịp thời với lãnh đạo những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của bản thân.

- Nhắc nhở mọi người thực hiện đúng các nội quy, quy định của nhà trường đã ban hành (việc đi lại, ra vào, đi xe...)

- Thời gian làm việc theo hợp đồng của trường.

b) Đối với nhân viên vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh).

- Thu dọn gọn gàng, ngăn nắp nội vụ các phòng làm việc của cán bộ, giáo viên.

- Giữ tốt, dùng bên các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị, khi cần có để xuất mua bổ sung đồng thời thanh lý đồ mau hỏng (theo dõi số qua kế toán).

- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khác phục những việc trong khả năng có thể, kiên nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

- Phối hợp tốt với bảo vệ và các giáo viên chủ nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường.

- Thời gian làm việc theo hợp đồng của trường.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của người học

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; Đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước.

c) Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.

d) Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền

phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an

toàn giao thông.

e) Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

2. Quyền của học sinh

a) Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm

những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định.

b) Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền

khắc phục sai lầm và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; Được quyền học chuyên trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; Được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều

37 của Điều lệ này.

c) Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; Được giáo dục kỹ năng sống.

d) Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt.

e) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quản lý và sử dụng tài sản

Nhà trường quản lý và sử dụng tài sản theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Hàng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê và tính khấu hao tài sản của đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo về tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nguồn tài chính

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, bao gồm:

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên;

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác được nhà nước giao;

+ Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ, viên chức;

+ Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu;

+ Kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Các loại phí, lệ phí hiện hành theo quy định.

- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

+ Học phí do học sinh đóng góp.

Điều 15. Nội dung chi

- Chi cho cán bộ giáo viên và lao động hợp đồng: Chi tiền lương, tiền thưởng; phụ cấp lương; các khoản đóng góp trích nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo chế độ hiện hành.

- Chi cho học sinh: Tiền thưởng, chi cho các hoạt động văn hóa thể dục thể thao của học sinh.

- Chi quản lý hành chính: Chi điện, nước, xăng dầu, vệ sinh môi trường, mua vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, công tác phí, hội nghị phí, thông tin liên lạc, tuyên truyền, cước phí điện thoại, fax...

- Chi nghiệp vụ giảng dạy, học tập:
- + Chi tổ chức các chuyên đề cấp trường, cấp thị xã, thao giảng, thi giáo viên dạy giỏi các cấp.
- + Chi mua sách, báo, tạp chí, tài liệu giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo, thiết bị vật tư thí nghiệm, thực hành, chi phí cho giáo viên và học sinh đi tham quan, học tập...
- + Chi cho công tác tuyển sinh, xét tốt nghiệp và thi học sinh giỏi
- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên: Chi mua sắm dụng cụ thay thế, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng.

Điều 16. Quản lý tài chính

Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Chế độ làm việc

1. Thời gian hoạt động của nhà trường:

- 1.1. Thời gian bắt đầu làm việc trong ngày cụ thể:
 - Đối với Ban Giám hiệu, giáo viên trực:
 - Buổi sáng từ 6 giờ 50 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 50 phút.
 - Đối với nhân viên: Buổi sáng từ 7 giờ 00 phút; Buổi chiều từ 14 giờ.
- 1.2. Thời gian giảng dạy trong một tiết học là 45 phút
- 1.3. Thời gian nghỉ giữa hai tiết học (tiết 1-2; tiết 3-4-5) là 3 phút, giữa tiết 2-3 là 9 phút.
 - Ngoài thời gian quy định trên, nhà trường có thể bố trí thời gian hoạt động ngoài giờ lên lớp, thời gian coi chấm thi học kỳ, khảo sát chất lượng, thi học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém...

2. Thời gian làm việc của Ban Giám hiệu và nhân viên hành chính

- Ban Giám hiệu và nhân viên làm việc đúng quy định theo giờ hành chính (trừ những trường hợp do cấp trên điều động). Những nhân viên hợp đồng ngoài các quy định trên còn phải thực hiện theo những yêu cầu do Hiệu trưởng quy định trong hợp đồng lao động.
- Cán bộ quản lý trực theo dõi hoạt động nhà trường phải có mặt từ đầu giờ và trong suốt hoạt động của nhà trường trong ngày trực.

3. Thời gian làm việc của giáo viên.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp phải có mặt tại trường trước giờ sinh hoạt 15 phút (ít nhất 3 lần/tuần), chịu trách nhiệm giám sát sinh hoạt 08 phút đầu giờ của lớp chủ nhiệm.

- Giáo viên bộ môn không có tiết đầu của buổi học thì có thể không phải có mặt lúc đầu giờ nhưng phải chịu trách nhiệm về những nội dung đã được các tổ chức thông báo, triển khai như: dạy đôn tiết, dạy thay...

4. Nguyên tắc làm việc

- Nhà trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

- Thực hiện chế độ thủ trưởng trong quản lý, điều hành nhà trường và các tổ. Cấp phó giúp việc cho cấp trưởng; Tổ trưởng/nhóm trưởng có trách nhiệm giúp việc cho Ban Giám hiệu theo nhiệm vụ được phân công.

- Tổ trưởng trực tiếp quản lý, điều hành, phân công nhiệm vụ cho viên chức thuộc phạm vi nhiệm vụ của tổ.

- Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức, viên chức và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Cụ thể như sau:

- Đối với giáo viên: Thực hiện nhiệm vụ theo phân công trong thời khóa biểu và điều động của Ban Giám hiệu.

- Đối với nhân viên hành chính: Chấp hành nghiêm thời gian làm việc 40h/tuần.

- Đối với nhân viên bảo vệ: Phải bố trí có mặt 24/24, đảm bảo giữ vững an ninh trật tự, an toàn về tài sản, bố trí đủ thời gian làm việc theo quy định.

Khi cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc riêng thì phải có đơn xin nghỉ và được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

Sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc theo quy định của pháp luật; quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường. Không sử dụng thời gian vào làm việc riêng; Không đi muộn, về sớm; Không sử dụng điện thoại trong giờ lên lớp; không chơi các trò chơi điện tử hoặc xem phim trong giờ làm việc.

Mọi cán bộ giáo viên, nhân viên khi đến trường phải ăn mặc chỉnh tề, quần áo phù hợp với phong cách sư phạm, đầu tóc gọn gàng. Đeo thẻ trong thời gian làm việc. Nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên văn phòng mặc trang phục áo dài thứ hai hàng tuần.

Điều 18. Chế độ hội họp

- Hội nghị viên chức, nhà giáo, người lao động mỗi năm 01 lần vào đầu năm học.

- Hội đồng sư phạm họp mỗi tháng 01 lần.

- Tổ chuyên môn họp 2 lần/1 tháng; nhóm chuyên môn họp 2 lần/1 tháng

- Tổ Văn phòng họp 2 lần/1 tháng.

- Họp chi bộ 1 lần/tháng.

- Họp trung tâm: 9h30 ngày thứ hai hàng tuần.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp cuối học kỳ I và cuối năm học.

Các cuộc họp để triển khai các văn bản, chỉ thị, nghị quyết hoặc họp để giải quyết những công việc cấp bách của trường thì không nằm trong quy định điều này.

Điều 19. Chế độ thông tin báo cáo

- Hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng quy định các loại báo cáo UBND quận, các cơ quan quản lý nhà nước và cấp trên.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trưởng các đoàn thể, tổ trưởng phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với tổ trưởng và Ban Giám hiệu. Các văn bản báo cáo phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và thời gian.

- Hàng năm, nhà trường xây dựng dự toán thu-chi; Báo cáo quyết toán công khai tài chính theo quy định của Luật Ngân sách.

Điều 20. Quan hệ với UBND quận

Chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND quận về tất cả các mặt công tác của nhà trường; chủ động báo cáo đề xuất để giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến nhà trường.

Điều 21. Quan hệ với các phòng chuyên môn quận

Nhà trường chịu sự quản lý nhà nước về từng lĩnh vực theo phân cấp. Nhà trường xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các phòng ban chuyên môn, đồng thời có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cùng thực hiện chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo liên quan đến nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 22. Quan hệ giữa nhà trường với UBND phường

Nhà trường thường xuyên chủ động tham mưu cho các cấp chính quyền địa phương quan tâm đến chương trình giáo dục và các hoạt động khác nhằm động viên, khích lệ thầy và trò trong nhà trường thực hiện tốt phong trào thi đua Dạy tốt - học tốt. Xây dựng nhà trường trở thành một địa điểm đáng tin cậy của nhân dân địa phương và trên địa bàn thị xã.

Điều 23. Quan hệ với các đơn vị ngoài thị xã

Phối hợp, liên kết với các tổ chức, đơn vị và cá nhân để huy động các nguồn lực để hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường (Tuân thủ quy định pháp luật).

Điều 24. Quan hệ với gia đình người học

Hàng năm, nhà trường có trách nhiệm thông báo công khai về công tác tuyên sinh và các chế độ chính sách đối với người học; Chủ động phối hợp với gia đình người học để làm tốt công tác giáo dục đối với người học nhằm phát triển toàn diện nhân cách của người học.

Điều 25. Thanh tra, kiểm tra

- Nhà trường tự tổ chức kiểm tra nội bộ theo quy định của cấp trên và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Nhà trường chịu sự kiểm tra, thanh tra của các ngành, các cấp, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan chủ quản theo quy định.

Điều 26. Khen thưởng

Cá nhân, tập thể trong nhà trường thực hiện tốt Quy chế này, có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục đào tạo được khen thưởng theo quy định của pháp luật và các Quy chế nội bộ của nhà trường.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Cá nhân, tập thể trong nhà trường vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THCS Vĩnh Niệm có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định.

Trường hợp cần thiết, Quy chế này được sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường THCS Vĩnh Niệm.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cùng toàn thể viên chức Trường THCS Vĩnh Niệm chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ giáo viên

STT	Đội ngũ giáo viên	Số lượng	Trình độ			
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
1	Biên chế	44	7	35	1	1
2	Hợp đồng (Quận và trường)	2	0	2	0	0

2. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên hành chính

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý	2	2
2	Số nhân viên hành chính	8	8

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

PHÒNG QUẢN LÝ

PHÒNG HẢI

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Tổng số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	06	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp	45hs/lớp	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1400	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1100	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	68	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	312	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	13+13	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		ô bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy		
1.1	Khôì lớp 6	0	0
1.2	Khôì lớp 7	0	0
1.3	Khôì lớp 8	0	0
1.4	Khôì lớp 9	2	0.22
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khôì lớp 6	6	
2.2	Khôì lớp 7	6	
2.3	Khôì lớp 8	6	
2.4	Khôì lớp 9	6	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	38	Số học sinh/bộ 0,04 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Loa	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Thiết bị khác...(Màn hình led)	02	
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	22	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	01 ti vi/1 lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị
	Cát xét		
	Đầu Video/đầu đĩa	0	
	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
	Thiết bị khác (màn hình Led)	02	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Phòng bếp	0
XI	Phòng ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Phòng nội trú	0	0	0

IV	Phòng vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		12		12				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				1	24	1	24

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;
 Kết quả tự đánh giá: Trường THCS Vĩnh Niệm tự đánh giá đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2;
 Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục chỉ đạo cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời

nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- **Kết quả đánh giá và công nhận**
- Nhà trường đã được công nhận là trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng. Và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 24/12/2021
- **Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.** Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2027-2028.

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

A. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

*** Kế hoạch tuyển sinh năm học.**

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Điều lệ trường mầm non(MN), Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học (TH); Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường TH, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1386/SGDĐT-KTKĐ ngày 14/5/2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 về việc phân tuyến địa bàn tuyển sinh các trường Tiểu học, Trung học cơ sở từ năm học 2023-2024; Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển số lớp, số học sinh cho các trường học thuộc quận năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 1926/UBND - GDĐT ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025;

Hội đồng tuyển sinh trường THCS Vĩnh Niệm xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo cho con em nhân dân địa phương đều được nhập học, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, cận nghèo; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

toàn diện
trẻ 5 tuổi, p
khả: - T

toàn diện tại nhà trường; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS.

- Thực hiện tuyển sinh theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, quy trình thực hiện công khai minh bạch, đảm bảo mục tiêu an sinh và ổn định xã hội.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tuyển sinh đúng quy định, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ rõ ràng, công khai minh bạch tạo thuận lợi cho học sinh và phụ huynh học sinh.

- Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo rõ 05 nhiệm vụ: tuyển tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu tuyển sinh và phân tuyển tuyển sinh.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò giám sát của phụ huynh học sinh trong quá trình tuyển sinh, tạo điều kiện cho con em đến trường, đảm bảo quyền học tập của trẻ em.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh

- Hội đồng tuyển sinh căn cứ các văn bản chỉ đạo, chỉ tiêu, khu vực tuyển sinh và tình hình thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường, chủ động xây dựng dự thảo kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2024 – 2025, báo cáo Phòng GD&ĐT theo quy định.

- Biên chế học sinh vào các lớp đảm bảo theo quy định, không để tình trạng sĩ số học sinh giữa các lớp quá lệch nhau; quan tâm tới yếu tố giới tính khi biên chế lớp học.

- Công khai Kế hoạch tuyển sinh trên Website của nhà trường và niêm yết tại bảng tin để giáo viên, phụ huynh học sinh được biết và thực hiện.

2. Tổ chức tuyển sinh

2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Số lớp: 07 lớp.

- Số học sinh: 315 học sinh

2.2. Địa bàn tuyển sinh

- Phường Vĩnh Niệm: tổ 5; từ tổ 9 đến tổ 20.

- Phường Kênh Dương: từ tổ 4 đến tổ 7, tổ 11.

2.3. Đối tượng tuyển sinh

- Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học; tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2013).

- Những học sinh học vượt lớp hoặc học sinh học Tiểu học có độ tuổi cao hơn quy định ở Tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Học sinh khuyết tật; học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh nước ngoài về nước có thể vào học lớp 6 ở độ tuổi cao hơn so với quy định.

2.4. Thời gian tuyển sinh và địa điểm tuyển sinh

- + Bắt đầu tuyển sinh từ ngày 08/7/2024 đến hết ngày 27/7/2024.
- + Thời gian làm việc: Sáng từ 8h00 đến 11h00; Chiều từ 14h30 đến 17h00
- + Địa điểm tuyển sinh: Trường THCS Vĩnh Niệm - số 29 Vĩnh Cát, Thiên Lộc, quận Lê Chân, Hải Phòng.

2.5. Hồ sơ tuyển sinh của học sinh vào lớp 6 (Phụ huynh học sinh nộp trực tiếp tại trường, sau khi học sinh đã trúng tuyển nhập học)

- Đơn xin học (theo mẫu);
- 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học;

III. TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TUYỂN SINH BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

1. Thời gian thực hiện

1.1. Đối với tuyển sinh theo đúng tuyển

- a) *Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:*
 - Triển khai thử nghiệm: Từ 10/6 đến 24/6/2024;
 - Tiến hành hiệu chỉnh và xóa dữ liệu giai đoạn chạy thử nghiệm: Từ ngày 25/6 đến ngày 30/6/2024;
 - Triển khai chính thức: Từ 08/7 đến 20/7/2024.
- b) *Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp – bổ sung:* Từ 22/7/2024 đến 27/7/2024.

1.2. Tuyển sinh trái tuyển

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp từ ngày 22/7/2024 đến 27/7/2024.

1.3. Hoàn thành công tác xét tuyển và tổng hợp báo cáo kết quả tuyển sinh: từ 29/7/2024 đến 31/7/2024.

2. Quy trình thực hiện

- Thực hiện rà soát dữ liệu, cập nhật thông tin danh mục địa danh hành chính (tổ, thôn, khu phố) của học sinh cuối cấp dự tuyển (học sinh lớp 6); Cập nhật thông tin địa danh hành chính theo mẫu M1, M2.
- Thực hiện bổ sung đầy đủ Số định danh cá nhân của 100% học sinh.
- Hướng dẫn phụ huynh học sinh kiểm tra thông tin: Nhà trường thực hiện in phiếu kê khai từ phần mềm tuyển sinh đầu cấp gửi đến phụ huynh học sinh cuối cấp kiểm tra và xác nhận lại thông tin sai (nếu có) để chỉnh sửa thông tin về nơi ở đúng nơi ở hiện tại.
- Cung cấp tài khoản cho phụ huynh học sinh (đối tượng cuối cấp). Nhà trường truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành <http://csdl.haiphong.edu.vn> phân hệ Tuyển sinh đầu cấp thực hiện việc cấp tài khoản (gồm số định danh cá nhân và mật khẩu cho học sinh 5 tuổi, học sinh lớp 5); gửi phiếu thông tin tài khoản cho phụ huynh học sinh. Thời gian hoàn thành trước ngày 10/6/2024. Đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh học sinh cách thức đăng ký trực tuyến tại Hệ thống tuyển sinh đầu cấp, công khai hướng dẫn trên website nhà trường.
- Phối hợp với các trường TH rà soát nhu cầu của học sinh lớp 5 để nắm bắt thông tin về học sinh dự tuyển.

- Triển khai thử nghiệm công tác tuyển sinh trên Hệ thống tuyển sinh đầu cấp: Thời gian thực hiện từ ngày 10/6/2024 đến ngày 24/6/2024;

(1) Hướng dẫn phụ huynh học sinh đăng nhập Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <https://tsdc.haiphong.edu.vn> đăng ký thử nghiệm với tài khoản đã được cấp (gồm số định danh cá nhân và mật khẩu). Bộ phận hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến các nhà trường, có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc, hỗ trợ phụ huynh học sinh trong quá trình đăng ký thử nghiệm.

(2) Thử nghiệm 100% học sinh trong độ tuổi tuyển sinh thời gian thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến: Từ ngày 10/6/2024 đến hết ngày 24/6/2024.

(3) Đối với học sinh chưa có thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hoặc chưa có số định danh cá nhân. Cán bộ tuyển sinh các nhà trường nhập thông tin học sinh trực tiếp lên trên Hệ thống CSDL ngành giáo dục thành phố tại địa chỉ <http://csdl.haiphong.edu.vn> phân hệ Tuyển sinh đầu cấp. *(Hồ sơ mới này được hiểu là đối tượng học sinh có hộ khẩu nơi khác về địa bàn tạm trú, tạm vắng hoặc những học sinh có hộ khẩu tại địa bàn quản lý đi nơi khác, hiện tại quay về nhập học nhưng chưa có mã, do vậy cán bộ tuyển sinh cần nhập trực tiếp vào trang tuyển sinh, hệ thống sẽ tạo mã mới => nhà trường thực hiện xét duyệt => Trúng tuyển).*

* Chi tiết các bước hướng dẫn PHHS tại Phụ lục 2 - Công văn số 996/SGDDT-KTKĐ ngày 14/4/2023)

3. Lưu ý trong quá trình thực hiện

- Tiến hành thử nghiệm 100% mã để kiểm tra sự trùng lặp giữa học sinh đã được đăng ký và chưa đăng ký; đảm bảo 100% học sinh có đủ mã và được đăng ký trực tuyến đúng theo phân tuyến tuyển sinh đã được UBND quận phê duyệt.

IV. CÔNG TÁC TỔNG HỢP BÁO CÁO

1. Từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 05/7/2024: Duyệt trúng tuyển và in các biểu mẫu, danh sách trúng tuyển, đơn xét tuyển, gửi báo cáo về Phòng GDĐT.

2. Nộp báo cáo về Phòng GDĐT công tác tuyển sinh theo lịch sau:

- Ngày 20/7/2024: đề xuất tuyển sinh bổ sung (nếu có);

- Ngày 29/7/2024: nộp Báo cáo nhanh về công tác tuyển sinh;

Nhằm đảm bảo công tác tuyển sinh công khai, công bằng, khách quan, minh bạch, đúng quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các vấn đề phát sinh, báo cáo về Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

*** Kế hoạch giáo dục**

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

+ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.;

+ Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

+ Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

+ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

+ Công văn số 06/SGDDĐT-TrH ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Công văn số 2474/SGDDĐT-TrH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

+ Công văn số 238/PGDDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

+ Công văn số 05/PGDDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Lê Chân về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Tình hình thực tế của nhà trường năm học 2024 - 2025.

2. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

2.1. Bối cảnh bên ngoài

2.1.1. Thời cơ

+Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc.

+ Trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng; sự quan tâm chỉ đạo động viên của UBND quận Lê Chân, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Lê Chân, Đảng ủy và UBND phường Vĩnh Niệm; sự cộng tác nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường trong công tác vận động hỗ trợ công tác giáo dục của nhà trường.

+Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông làm biến đổi suy nghĩ của phần lớn cha mẹ học sinh, nhận thức về việc học tập ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.1.2. Thách thức

+ Nhu cầu xã hội đòi hỏi chất lượng giáo dục ngày càng cao trong thời kì hội nhập.
+ Vị trí địa lý của nhà trường ở xa trung tâm, điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn nên việc quan tâm đến học tập và giáo dục đạo đức cho các em còn hạn chế.

+ Tâm lý lo lắng của phụ huynh học sinh khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Đội ngũ giáo viên chưa đủ về cơ cấu bộ môn và số lượng dẫn đến một số GV dạy chưa đúng chuyên môn được đào tạo và dạy quá số tiết quy định, một số GV trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm.

+ Đội ngũ giáo viên được đào tạo, giảng dạy theo hướng “trang bị kiến thức cho học sinh” nay chuyển sang dạy học theo định hướng “Phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh”; giáo viên kiêm nhiệm công việc nhiều, một số giáo viên cao tuổi gặp khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.

2.2. Bối cảnh bên trong

2.2.1. Điểm mạnh

a. Số lượng giáo viên

Tổng số CB, GV, NV (cả biên chế và hợp đồng)	Trong đó							Số CB, GV, NV (ghi thừa + (thiếu -) cụ thể)		
	Biên chế				Hợp đồng (quận và trường)			BGH	Giáo viên	Nhân viên
	Tổng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng	Giáo viên	Nhân viên			
46	44	2	39	3	2	2	0	0	-1	

b. Trình độ giáo viên:

Thạc sỹ	Chuyên môn			Ngoại ngữ			Tin học		
	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	A	B	C	A	B	Ứng dụng CNTT cơ bản
6	38	01	01	8	30	2	3	22	19

+ Trường có 100% GV đạt chuẩn và trên chuẩn.

+ Tập thể chi bộ, nhà trường luôn đoàn kết thống nhất, sáng tạo trong công việc, tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý và giảng dạy, trường được bổ sung một số GV trẻ có năng lực chuyên môn tốt.

+ Trường có nhiều GV trẻ, đa số GV tiếp cận được PPDH tích cực và tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

+ Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tăng trong những năm gần đây.

+ Nhận thức của phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của cấp học có nhiều chuyển biến tích cực, luôn quan tâm đến công tác giáo dục của nhà trường.

+ Trường có hệ thống kết nối Internet toàn trường và tới từng lớp học, đảm bảo nên việc tiếp cận CNTT của cán bộ giáo viên được thuận lợi và đồng đều.

+Nền nếp nhà trường đã được củng cố và duy trì; cán bộ, giáo viên và nhân viên làm việc nghiêm túc, hiệu quả; học sinh cơ bản chấp hành tốt kỷ cương nền nếp và nội qui nhà trường, có ý thức vươn lên trong học tập.

+ Phòng học, bàn ghế cho giáo viên, học sinh: số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế; đại đa số các lớp có TV smart, máy chiếu projecter, 100% các lớp được trang bị camera và loa tới các lớp, các hành lang, sân chơi trong toàn trường. Đây là điều kiện rất tốt để nâng cao chất lượng quản lý và chất lượng dạy và học.

+ Trường có 02 phòng máy với 35 máy tính nối mạng Internet đáp ứng việc dạy môn Tin học tự chọn và dạy nghề cho HS.

+ Trường có công trình vệ sinh riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

+ Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, trường lựa chọn nhà cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn.

2.2.2. Điểm yếu

+ Chất lượng học sinh đầu vào còn thấp.

+ Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn nhiều.

+ Phòng y tế chưa đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Việc sinh hoạt chuyên môn một số nhóm chưa đi vào chiều sâu, còn thụ động;

+ Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều; việc tự học của một số giáo viên chưa thường xuyên, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Một số GVBM chưa chú trọng đến giáo dục đạo đức học sinh; tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao so với chỉ tiêu đề ra; vẫn còn học sinh vi phạm nội qui của nhà trường.

+ Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ ỷ lại, thường xuyên đi làm ăn xa để con ở nhà cho ông bà, một số cha mẹ li hôn, không quan tâm đến con nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình gặp nhiều khó khăn.

2.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

2.3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024-2025

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh
1	6	6	270
2	7	7	340
3	8	5	242
4	9	5	184
Toàn trường		23	1036

2.3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

+ Nhà trường bố trí 23 phòng học tại 03 dãy nhà A, B, C.

+ Trường có 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 06 phòng thực hành và 03 phòng học bộ môn.

2.3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học

+ Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

+ Khi xây dựng Chương trình nhà trường, nhà trường chỉ đạo các tổ xây dựng chương trình trải nghiệm tích hợp các môn học, tổ chức cho HS được tham gia trải nghiệm mỗi học kỳ một lần.

+ Lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào các hoạt động Ngoài giờ lên lớp vào trong các môn học.

2.3.5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương

+ Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng chương trình theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho HS liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

+ Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Mục tiêu chung:

+ Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

+ Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

+ Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

+ Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Thực hiện hiệu quả về đổi mới giáo dục, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, học sinh 100% được đánh giá mức đạt trở lên về phẩm chất và năng lực, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tế.

+ Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.

+ Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

+ Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

+ Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn.

+ Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

***Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học:**

+ Trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc.

+ Liên đội: Liên đội mạnh cấp thành phố.

+ 100% GV duy trì và thực hiện tốt các nề nếp hoạt động trong nhà trường, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định.

+ CSTĐ cơ sở: 06 đ/c

- Học sinh:

VỀ NĂNG LỰC		VỀ PHẨM CHẤT	
+ Tốt : 55%		+ Tốt : 96%	
+ Khá : 35%		+ Khá : 4%	
+ Đạt : 10%		+ T.Bình : Không có	
+ Chưa đạt : 0%		Tỷ lệ học sinh bỏ học: 0 %	

+ Huy động 100% học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 .

+ Học sinh giỏi các môn văn hóa, văn nghệ , TDTT và các cuộc thi khác:

+ Cấp quận: 30 – 35 giải

+ Cấp thành phố: 4 giải

+ Học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100% .

+ Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 99% .

+ Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường THPT hệ quốc lập đạt từ 80% trở lên

4.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

4.1. Hoạt động (chương trình) chính khóa

(Tổng hợp bảng phân phối chương trình theo khối lớp)

* **Khối 6:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng thống kê chi tiết số tiết / tuần:

Tuần	Môn học bắt buộc													HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giá o dục công dân	Côn g nghệ	Ti n học c	Giá o dục thể chất	Ngh ệ thu ật (ÂN , MT)	HD trải nghiệm hướng nghiệp	
		Hó a họ c	Si nh họ c	Vậ t lí		Lị c h sử	Đị a lí								
1	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
2	4	3		1	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
3	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
4	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
5	4	3		1	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
6	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1

Tuần	Môn học bắt buộc													HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (ÂN, MT)	HD trải nghiệm hướng nghiệp	
		Hóa học	Sinh học	Vật lý		Lịch sử	Địa lí								
7	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
8	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
9	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
10	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
11	4	1	3		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
12	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
13	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
14	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
15	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
16	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
17	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
18	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
19	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
20	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
21	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
22	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
23	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
24	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
25	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
26	4		2	2	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
27	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
28	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1

Tuần	Môn học bắt buộc														HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giá o dục công dân	Côn g nghệ	Ti n học c	Giá o dục thể chất	Ngh ệ thu ật (ÂN , MT)	HD trải nghiệm hướn g nghiệ p		
		Hó a họ c	Si nh họ c	Vậ t lí		Lịc h sử	Đị a lí									
29	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
30	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
31	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
32	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
33	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1	
34	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
35	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
Tổng	140	31	61	48	14	52	53	105	35	35	35	70	70	105	35	
		140			0	105										

* **Khối 7:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng thống kê chi tiết số tiết / tuần:

Tuần	Môn học bắt buộc														HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giá o dục công dân	Côn g nghệ	Ti n học c	Giá o dục thể chất	Ngh ệ thu ật (ÂN , MT)	HD trải nghiệm hướn g nghiệ p		
		Hó a họ c	Si nh họ c	Vậ t lí		Lịc h sử	Đị a lí									
1	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1	

Tuần	Môn học bắt buộc													HD	giao dục bắt buộc
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ng ữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (ÂN, MT)	HD trải nghiệm hướn g nghiệp	
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí								
2	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
3	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
4	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
5	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
6	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
7	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
8	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
9	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
10	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
11	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
12	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
13	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
14	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
15	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
16	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
17	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
18	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
19	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
20	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
21	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
22	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
23	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1

Tuần	Môn học bắt buộc													HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (ÂN, MT)	HD trải nghiệm hướng nghiệp	
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí								
24	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
25	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
26	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
27	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
28	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
29	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
30	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
31	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
32	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
33	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
34	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
35	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
Tổng	140	40	64	36	140	52	53	105	35	35	35	70	70	105	35
		140				105									

* **Khối 8:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng thống kê chi tiết số tiết / tuần:

Tuần	Nội dung giáo dục	
	Môn học bắt buộc	HD giáo dục bắt buộc

	To án	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (ÂN, M, T)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Điểm tổng
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí								
1	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
2	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
3	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
4	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
5	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
6	4	1		3	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
7	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
8	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
9	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
10	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
11	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
12	4	3	1		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
13	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
14	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
15	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
16	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
17	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
18	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
19	4			4	4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
20	4			4	4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
21	4			4	4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
22	4			4	4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
23	4			4	4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
24	4		3	1	4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
25	4		4		4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1

Tuần	Nội dung giáo dục														Nội dung giáo dục địa phương
	Môn học bắt buộc													HD giáo dục bắt buộc	
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (ÂN, M T)	HD trải nghiệm, hướng nghiệp	
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí								
26	4		4		4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
27	4		4		4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
28	4		4		4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
29	4	2	2		4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
30	4	4			4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
31	4	4			4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
32	4	4			4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
33	4	4			4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
34	4	4			4	2	1	3	1	2	1	2	2	3	1
35	4	4			4	1	2	3	1	2	1	2	2	3	1
Tổng	140	50	46	44	140	53	52	105	35	52	35	70	70	105	35
						105									

* Khối 9: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng thống kê chi tiết số tiết / tuần:

Tuần	Nội dung giáo dục												Nội dung giáo dục địa phương		
	Môn học bắt buộc											HD giáo dục bắt buộc			
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất		Nghệ thuật	HD trải nghiệm
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí								

		Họ a học	Sin h học	Vậ t lí	vă n	Lịch sử	Địa lí	An h	công dân	ngh ệ	họ c	dụ c thể ch ất	thu ật (Â N, M T)	hướng g nghiệ p	
1	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
2	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
3	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
4	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
5	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
6	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
7	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
8	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
9	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
10	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
11	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
12	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
13	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
14	4		3	1	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
15	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
16	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
17	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
18	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
19	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
20	4			4	4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
21	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
22	4			4	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
23	4	3		1	4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
24	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1
25	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
26	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1
27	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1

Nội dung giáo dục																
Tuần	Môn học bắt buộc														HD giáo dục bắt buộc	Nội dung giáo dục địa phương
	Toán	Khoa học tự nhiên			Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Giáo dục công dân	Công nghệ	Tin học	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Â N, M T)	HD trải nghiệm, hướng nghiệp		
		Hóa học	Sinh học	Vật lí		Lịch sử	Địa lí									
28	4	4			4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1	
29	4	4			4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
30	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
31	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
32	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
33	4		4		4	2	1	3	1	1	1	2	2	3	1	
34	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
35	4		4		4	1	2	3	1	1	1	2	2	3	1	
Tổng	140	55	43	42	140	52	53	105	35	35	35	70	70	105	35	
		140				105										

*** Chương trình tăng cường, mở rộng**

- + Bồi dưỡng học sinh giỏi
- Chú trọng bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tích cực tham gia các kì thi HSG các cấp.
- Phân công giáo viên phụ trách đội tuyển HSG các môn cụ thể như sau:

STT	Môn	GV phụ trách
1	Toán 9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh
2	KHTN 9	Nguyễn Thị Quỳnh Đoàn Thị Duyên Cao Thị Hà
3	Công nghệ 9	Trương Văn Luân
4	Tin 9	Nguyễn Minh Hiền
5	KHTN Tiếng Anh 9	Nguyễn Thị Quỳnh Đoàn Thị Duyên

STT	Môn	GV phụ trách
		Cao Thị Hà
6	Toán Tiếng Anh 8	Đặng Thị Vân Anh
7	Ngữ Văn 9	Đặng Thị Thu Hoài
8	Lịch sử và Địa lý 9	Bùi Thị Hào Nguyễn Thị Lan Hương
9	GDCD 9	Bùi Thị Hào
10	Âm nhạc 9	Nguyễn Thị Huyền
11	Mĩ thuật 9	Nguyễn Đức Toàn
12	Tiếng Anh 9	Vũ Thị Thanh

4.2. Hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ

- Hoạt động ngoại khóa:

- + An toàn giao thông: suốt năm học.
 - + Tháng 9/2024: Tự hào là học sinh THCS Vĩnh Niệm
 - + Tháng 10/2024: Bảo vệ môi trường.
 - + Tháng 11/2024: Tôn sư trọng đạo.
 - + Tháng 12/2024: Uống nước nhớ nguồn.
 - + Tháng 01/2025: Tình yêu tuổi học trò.
 - + Tháng 2/2025: Mừng đảng mừng xuân “Vui hội mùa xuân”.
 - + Tháng 3/2025: Phòng chống tệ nạn học đường.
 - + Tháng 4/2025: Smartphone trong đời sống.
 - + Tháng 5/2025: Phòng, chống tai nạn thương tích, Phòng chống đuối nước.
- Câu lạc bộ: Tiếng Nhật, Kỹ năng sống; Các CLB TDTT: Đá cầu, bóng bàn, cầu lông, cờ vua – Sinh hoạt hàng tuần.

5.KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY

Thời gian		Hoạt động
7h00 - 7h08	08 phút	Truy bài
7h08 - 7h53	45 phút	Tiết 1
7h53 - 7h55	02 phút	Chuyển tiết
7h55 - 8h40	45 phút	Tiết 2
8h40 - 8h50	10 phút	Ra chơi
8h50 - 9h35	45 phút	Tiết 3
9h35 - 9h37	02 phút	Chuyển tiết
9h37 - 10h22	45 phút	Tiết 4
10h22 - 10h25	03 phút	Chuyển tiết
10h25 - 11h10	45 phút	Tiết 5

6. KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIÁO VIÊN

Tháng	Họ và tên GV	Hình thức kiểm tra	Kết quả	Ghi chú
9 (08 đ/c)	Nguyễn Đức Toàn	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Lan Hương	KH + Đột xuất		
	Hoàng Mai Vân	KH + Đột xuất		
	Bùi Thị Thương	KH + Đột xuất		
	Vũ Thị Thanh	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Quỳnh	KH + Đột xuất		
	Đặng Thị Vân Anh	KH + Đột xuất		
	Đỗ Thị Phượng	KH + Đột xuất		
10 (06 đ/c)	Nguyễn Thị Vóc	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Thúy	KH + Đột xuất		
	Trần Thị Giang	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Ngọc Hoa	KH + Đột xuất		
	Đoàn Thị Duyên	KH + Đột xuất		
	Vi Thị Xoan	KH + Đột xuất		
11 (07 đ/c)	Hoàng Đức Anh	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Phượng	KH + Đột xuất		
	Đặng Thị Thu Hoài	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Minh Phương	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Khánh Thùy	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Đức Vỹ	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Lý	KH + Đột xuất		
12 (07 đ/c)	Phạm Khánh Hương	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Khuyên	KH + Đột xuất		

	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	KH + Đột xuất		
	Cao Thị Hà	KH + Đột xuất		
	Vũ Anh Thư	KH + Đột xuất		
	Vũ Hồng Ánh	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Hồng Trinh	KH + Đột xuất		
1+2 (06 đ/c)	Trần Thị Hằng	KH + Đột xuất		
	Bùi Thị Hào	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thu Hà	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Vân	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Minh Hiền	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Hồng Nhung	KH + Đột xuất		
3 (05 đ/c)	Nguyễn Văn Lập	KH + Đột xuất		
	Vũ Kim Dung	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Huyền	KH + Đột xuất		
	Phạm Thị Dung	KH + Đột xuất		
	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	KH + Đột xuất		

7. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC (Kế hoạch tổng hợp theo khối)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1 Trách nhiệm của các thành viên:

8.1.1.Đối với Hiệu trưởng

+ Phụ trách chung tất cả các hoạt động của Nhà trường. Trực tiếp phụ trách công tác tổ chức cán bộ, nhân sự, xây dựng đội ngũ, truyền thông, phòng chống tham nhũng, công khai dân chủ, pháp chế, an toàn an ninh trường học, hoạt động của Ban đại diện CMHS, chi bộ, tài chính, công tác tuyển sinh.

+ Thực hiện phân cấp quản lý trong nhà trường, giao quyền, phân quyền, ủy quyền, chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của các văn bản quy phạm pháp quy hiện hành.

+ Là chủ tài khoản ngân sách nhà trường.

+ Trưởng ban chỉ đạo các cuộc vận động, các phong trào và các Ban chỉ đạo khác của nhà trường.

+ Phụ trách chung các công việc, cùng với Phó hiệu trưởng giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của Phó hiệu trưởng khi thấy cần thiết.

+ Trực tiếp hoặc gián tiếp phân công công tác, giao nhiệm vụ cho mọi thành viên thuộc trường THCS Vĩnh Niệm.

+ Phụ trách các tổ: Tổ Văn phòng, Tổ KHTN.

+ Duyệt học bạ, sổ điểm khối 6, 9.

+ Phụ trách công tác chuyển đến, chuyển đi của GV và học sinh.

+ Trực tiếp phụ trách việc phân lớp, biên chế đầu cấp.

8.1.2.Đối với Phó hiệu trưởng

+Phụ trách các công việc do Hiệu trưởng phân công: Công tác chuyên môn, bồi dưỡng GV giỏi - HS giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, dạy thêm – học thêm, giáo dục nghề phổ thông, khảo thí, phổ cập giáo dục, CSVC, hoạt động Đoàn – Đội, an ninh an toàn trường học, PCCC, phòng chống thiên tai, kiểm định chất lượng, kiểm tra nội bộ, trường chuẩn Quốc gia, tốt nghiệp THCS.

+ Xây dựng các kế hoạch đối với các hoạt động được phân công.

+ Trực tiếp phụ trách, theo dõi và nắm bắt tình hình hoạt động của tổ KHXH.

- + Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc phân công giảng dạy cho giáo viên.
- + Phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên phụ trách công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên.
- + Phụ trách các phòng Bộ môn, Thư viện, Tin học, Thiết bị.
- + Phụ trách công tác giáo dục hướng nghiệp, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, công tác tư vấn cho học sinh.
- + Phụ trách công tác y tế chăm sóc sức khỏe, công tác Chữ thập đỏ trong nhà trường.
- + Duyệt học bạ, sổ điểm khối 7,8.
- + Kiểm tra hồ sơ GV, các loại sổ sách trong nhà trường.
- + Phụ trách công tác vệ sinh, xây dựng cây xanh, cảnh quan trường lớp.
- + Quản lý nề nếp dạy học và kỷ luật lao động của giáo viên và học sinh.
- + Phối hợp với Hiệu trưởng, các tổ chức, bộ phận, cá nhân trong các hoạt động có liên quan, điều hành các công việc cụ thể.

8.1.3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn

- + *Xây dựng kế hoạch giáo dục chung của tổ, chỉ đạo tổ viên thực hiện theo kế hoạch của tổ chuyên môn, kế hoạch chung của nhà trường.*
- + *Thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách của tổ chuyên môn.*
- + *Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cá nhân của các thành viên trong tổ theo kế hoạch giáo dục, chương trình nhà trường và các quy định của Bộ GD & ĐT.*
- + *Điều hành các hoạt động chuyên môn trong phạm vi tổ (sinh hoạt chuyên môn, lên lớp chuyên đề, thi GV dạy giỏi, phân công dạy thay, bồi dưỡng GV, ...). Chủ trì các cuộc họp tổ theo lịch nhà trường phân công và nội dung chỉ đạo của Hiệu trưởng.*
- + *Tham gia cùng BGH nhà trường trong công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hồ sơ GV. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của GV trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.*
- + *Phân công nhiệm vụ cụ thể cho tổ phó và cùng tổ phó dự giờ kiểm tra GV.*
- + *Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với GV trong tổ.*
- + *Thực hiện các công việc khác khi được BGH phân công.*

8.1.4. Đối với công tác Đoàn/Đội

- + Xây dựng kế hoạch các hoạt động của Đội TNTP HCM, Đoàn TNCS HCM.
 - + Tổng phụ trách (TPT) Đội tổ chức chào cờ đầu tháng, điều hành các hoạt động của Đội TNTP HCM theo hướng dẫn của nhà trường, của cấp trên.
 - + Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện nền nếp, các quy định, nội quy, các hoạt động của HS toàn trường.
 - + Phối hợp với GVCN quản lý, giáo dục HS, đặc biệt các trường hợp HS cá biệt. Phối hợp, vận động các lực lượng giáo dục, các lực lượng xã hội ở địa phương cùng tham gia công tác Đội.
 - + TPT Đội quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về tài sản của Đội (theo biên bản tiếp nhận tài sản khi nhận công việc).
 - + Tổ chức quản lý, lên kế hoạch thi đua trong HS theo chủ đề hàng tháng dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Đội Quận và Hiệu trưởng nhà trường. Tổng kết báo cáo BGH kết quả thi đua hàng tháng, công khai kết quả thi đua vào các buổi chào cờ hàng tháng.
 - + Kết hợp cùng các tổ chức khác trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động theo chủ điểm (20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 26/3, ...), thi đua lớp học Xanh – sạch – đẹp – an toàn, tích cực xây dựng thư viện 50K
 - + Phân công đoàn viên GV trực công tác Đoàn Đội, điều hành HS ra về sau mỗi buổi học.
 - + Xây dựng, bảo vệ môi trường Xanh – sạch – đẹp.
 - + Chi đoàn GV sinh hoạt mỗi tháng một lần và tham gia các hoạt động Đoàn theo sự chỉ đạo của Đoàn phường và cấp trên.
- 8.1.5. Đối với nhân viên phụ trách công tác Thư viện – Thiết bị**
- + Quản lý thư viện, thiết bị dạy học của nhà trường, phụ trách việc mua và thanh toán sách, ĐDDH để bổ sung sách, báo, ĐDDH hàng năm; tổ chức cho cán bộ, GV và HS mượn và trả sách, báo hàng ngày.
 - + Quản lý, tiếp nhận và bảo quản tài sản, trang thiết bị trong các phòng thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học và phòng thiết bị dùng chung.
 - + Cập nhật, quản lý các loại hồ sơ thư viện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục.
 - + Cập nhật các loại hồ sơ sổ sách quản lý, theo dõi tình hình sử dụng ĐDDH theo

đúng quy định và nắm tình hình hoạt động của các phòng thực hành.

+ Theo dõi và quản lý, có lịch phân công cụ thể cho các lớp lao động làm vệ sinh phòng thiết bị.

+ Bảo quản toàn bộ SGK dùng chung, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, báo chí, tài liệu, đồ dùng dạy học, ... theo quy định đối với cán bộ thư viện, thiết bị.

+ Sắp xếp sách, ĐDDH khoa học, đảm bảo tiêu chí: dễ tìm, dễ thấy và dễ lấy, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh học đường.

+ Làm tốt công tác bạn đọc, phối hợp với các tổ chức trong nhà trường thực hiện công tác giới thiệu sách theo chủ đề, xây dựng tủ sách 50K tại các lớp học.

+ Cuối mỗi năm học thực hiện công tác kiểm kê tài sản và đề xuất với Hiệu trưởng mua sắm bổ sung sách, tài liệu tham khảo, ĐDDH vào đầu năm học.

+ Báo cáo, đề xuất với Hiệu trưởng có biện pháp xử lý các trường hợp hư hao, mất mát tài sản của nhà trường.

+ Thực hiện các điều động của lãnh đạo nhà trường, phối hợp với các thành viên trong nhà trường thực hiện tốt công việc được giao.

+ Tham gia các công việc khác khi BGH cần.

8.1.6. Đối với giáo viên

+ Giảng dạy và giáo dục theo đúng Chương trình nhà trường và Kế hoạch giáo dục của nhà trường; soạn bài, chuẩn bị thí nghiệm – thực hành (các tiết cần sử dụng ĐDDH, GV phải đăng ký với cán bộ thiết bị vào tuần trước tuần dạy).

+ Những tiết có dùng ĐDDH GV phải chuẩn bị ĐDDH, không dạy chay. Thực hiện định mức dạy 19 tiết/ tuần.

+ Kiểm tra đánh giá theo đúng quy định. Cập nhật điểm vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đúng quy định và thời hạn.

+ Thực hiện nghiêm túc ngày giờ công, không tùy tiện bỏ giờ, GV có việc riêng phải đổi giờ cho đồng nghiệp và xin phép BGH.

+ Quản lý HS trong các hoạt động do nhà trường tổ chức; tham gia tích cực các hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn và hoạt động Đoàn thể.

+ Luôn có ý thức rèn luyện đạo đức theo các quy định về đạo đức nhà giáo, có kế

hoạch tự học tập và bồi dưỡng về chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật, Nhà nước, điều lệ trường phổ thông, thực hiện nghiêm túc các quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra của BGH và các cấp quản lý giáo dục.

+ Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước HS, thương yêu, tôn trọng HS, đối xử công bằng với HS, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của HS; đối xử đúng mực với PHHS; đoàn kết thân ái cùng giúp đỡ đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Phối hợp có hiệu quả với các lực lượng giáo dục: GVCN, GV bộ môn, gia đình HS và các lực lượng xã hội.

+ Tham gia công tác PCGD; tham gia các hoạt động của địa phương theo đúng chức năng của nhà trường.

+ Phải có hành vi, ứng xử mẫu mực có tác dụng cảm hóa HS.

+ Mặc đồng phục vào các ngày lễ, hội nghị, chuyên đề và các ngày theo quy định.

+ Thực hiện đầy đủ quy chế văn hóa công sở, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc cơ quan và các nội quy của nhà trường.

+ Tham gia các hoạt động khác khi được BGH phân công.

8.2 Công tác phối hợp với các bên liên quan

8.2.1 Phối hợp giữa nhà trường với Công đoàn cơ sở

+ Nhà trường và BCH Công đoàn cơ sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, vận động tổ chức phong trào quần chúng cán bộ công chức và người lao động trong nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết và đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của Sở Giáo dục - Đào tạo, Phòng Giáo dục- Đào tạo và của Nhà trường đề ra.

+ Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn cơ sở tham gia quản lý trường học, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà trường, giải quyết kịp thời các kiến nghị hợp pháp của đội ngũ cán bộ công chức trong nhà trường. Tập hợp các ý kiến của đoàn viên Công đoàn tham gia với chính quyền nhà trường.



+ Công đoàn cơ sở động viên công đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, các hoạt động chuyên môn, ngoài giờ lên lớp; kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên được học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Công đoàn tổ chức hoạt động của các Công đoàn bộ phận, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên Công đoàn - phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá; chăm lo sức khoẻ và các điều kiện làm việc, nghỉ ngơi của đoàn viên, vận động, hướng dẫn thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

+ Nhà trường cùng Công đoàn phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục dài hạn và hàng năm, cùng tổ chức triển khai thực hiện.

+ Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên cung cấp các tư liệu cần thiết để Công đoàn tham gia giám sát có hiệu quả.

+ Trước khi ban hành các bổ sung sửa đổi kế hoạch, chủ trương công tác của nhà trường, hoặc triển khai thực hiện về chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước mà có liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức thì nhà trường cần trao đổi thống nhất với công đoàn để cùng chỉ đạo thực hiện đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ đoàn viên, giáo viên.

+ Đại diện của Công đoàn là thành viên của hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật, xét nâng lương và những vấn đề liên quan đến đội ngũ. Công đoàn có trách nhiệm cử người có đủ thẩm quyền tham gia các hội đồng trên và các ban chỉ đạo của nhà trường.

+ Nhà trường và Công đoàn phối hợp chặt chẽ để tổ chức phát động các phong trào thi đua nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn dân cư.

8.2.2 Phối hợp giữa nhà trường với tổ chức Đoàn - Đội

+ Nhà trường chỉ đạo Đoàn, Đội hoạt động theo đúng quy trình năm học của ngành và nhà trường nhằm mục đích giáo dục đạo đức tác phong đoàn viên và học sinh đồng thời xây dựng nền nếp tốt trong trường học, tạo môi trường trường học an toàn, thân thiện.

+ Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Đội tổ chức hoạt động theo quy trình Đoàn Đội cấp trên, đảm bảo chế độ chính sách cho giáo viên phụ trách công tác Đoàn Đội.

+ Đoàn Đội phải có nhiều giải pháp tích cực để giáo dục tác phong đạo đức, nhân cách cho học sinh sống theo nề nếp, kỷ luật và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

+ Đoàn Đội phải ngăn chặn kịp thời những hành vi sai trái của học sinh, đề xuất nhà trường có biện pháp xử lý học sinh vi phạm một cách kịp thời và phù hợp với từng đối tượng.

+ Đoàn Đội tích cực đi thực tế tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình của mỗi học sinh để có thể chia sẻ, động viên học sinh và đưa ra các giải pháp giáo dục học sinh cá biệt phù hợp, có hiệu quả.

8.2.3. Phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương

a) Đối với Đảng ủy và UBND phường Vĩnh Niệm

+ Tham mưu với lãnh đạo xã đưa các nội dung hoạt động giáo dục vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Đảng ủy và chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết, kế hoạch về công tác giáo dục ở từng tổ dân phố.

b) Đối với các tổ chức và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Vĩnh Niệm

+ Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc phường, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Đoàn TNTP HCM phường để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động huy động học sinh đến trường, chống học sinh bỏ học, giáo dục đạo đức cho học sinh. Có chính sách ưu tiên động viên và khuyến khích học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

+ Đẩy mạnh công tác khuyến học trên địa bàn các tổ dân phố, họ tộc ở địa phương để khuyến khích học sinh vươn lên trong học tập và rèn luyện.

c) Đối với trạm Y tế phường Vĩnh Niệm, trung tâm Y tế quận Lê Chân

+ Hằng năm nhà trường phối hợp với trung tâm y tế quận triển khai kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường 2 lần/năm.

+ Phối hợp với Trung tâm y tế quận, trạm y tế phường trong công tác tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm; tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho CB, GV, NV và HS.

+ Nhà trường phối kết hợp với Trạm y tế phường Vĩnh Niệm để sơ cứu ban đầu cho HS.

d) Đối với Công an phường Vĩnh Niệm

+ Nhà trường phối kết hợp với lực lượng Công an phường Vĩnh Niệm trong việc giáo dục đạo đức cho HS.

8.2.4. Đối với ban đại diện cha mẹ học sinh

+Tạo điều kiện thuận cho Hội cha mẹ học sinh hoạt động và tổ chức Hội nghị mỗi năm 1 lần để đánh giá tình hình hoạt động của Hội trong năm cũ, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học mới và tổ chức bầu Ban đại diện CMHS của năm học.

+Phối hợp chặt chẽ với Hội CMHS trong việc giáo dục đạo đức và quản lý học sinh; chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

+ Nhà trường cùng Ban đại diện Hội CMHS tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ (Đầu năm – học kỳ 1 và cuối năm học) để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của học sinh và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục học sinh.

+ Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội CMHS do bộ GD&ĐT ban hành.

8.2.5. Đối với các tổ chức khác

+ Nhà trường cần tranh thủ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn để huy động nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học nhằm động viên phong trào thi đua dạy tốt - học tốt.

+ Tổ chức các hoạt động bằng nhiều hình thức phong phú để huy động nguồn vốn trong nhân dân hỗ trợ việc nâng cấp cơ sở vật chất thiết bị trường học và giúp học sinh nghèo vượt khó đến trường.

+ Ký hợp đồng với Nhà máy nước Hải Phòng để cung cấp nước sạch cho HS, GV uống hàng ngày.

+Liên kết với Công ty Bảo hiểm để cung cấp bảo hiểm tai nạn cho HS.

+Liên kết với trung tâm Nhật ngữ Hanami dạy tiếng Nhật theo hình thức CLB cho HS lớp 8B5, 7C3, 7C5, 6D1, 6D5; liên kết với Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục quốc tế GAIA dạy kỹ năng sống cho HS khối 6,7.

8.3 Công tác kiểm tra, giám sát

+ Kiểm tra đột xuất: BGH kết hợp cùng tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra đột xuất giáo viên trong tổ (mỗi tháng từ 1+2 đồng chí), với nội dung:

+ Dự giờ 1 tiết trên lớp không báo trước.

+ Kiểm tra giáo án tiết dạy.

+ Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra của tổ cụ thể, chi tiết và thường xuyên.

+ Kiểm tra chuyên đề: Xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề các hoạt động chuyên môn.

+ 100% CBGV được kiểm tra trong năm học

+ Kiểm tra hồ sơ, giờ dạy : 1 lượt/ tháng (Theo các đợt thi đua + đột xuất)

+ Kiểm tra duy trì sĩ số học sinh

+ Kiểm tra công tác LDVS 1 lần/ ngày, kiểm tra CSVC chung 1 lần/ tháng

+ Kiểm tra hồ sơ 100% hồ sơ của giáo viên.

+ Thực hiện công tác đánh giá CBGV 1 lần/ tháng.

*** Kiểm tra chuyên môn, kiểm tra toàn diện:**

+ Kiểm tra toàn diện : 30% GV (theo kế hoạch năm học)

+ Trong các buổi kiểm tra chuyên môn, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn sắp xếp giờ dạy để làm công tác kiểm tra. Đảm bảo có ít nhất một đồng chí tổ trưởng hoặc tổ phó dự giờ.

*** Kiểm tra hồ sơ giáo án.**

+ *Hiệu trưởng*: Kiểm tra hồ sơ sổ sách của các bộ phận, đoàn thể theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

+ *Phó Hiệu trưởng*: Kiểm tra hồ sơ sổ sách của các tổ trưởng và giáo viên theo định kỳ 01 lần/HK.

+ *Tổ trưởng*: Kiểm tra hồ sơ sổ sách, giáo án của giáo viên theo định kỳ 02 lần/HK.

*** Kiểm tra chất lượng:** Tổ chức tốt các đợt kiểm tra giữa kỳ, chất lượng HKI, HKII.

*** Thực hiện chuyển đổi số trong trường học**

- + Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong giáo dục.
- + Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy.
- + Sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ chuyên môn.
- + Triển khai điểm danh thông minh đối với HS
- + Triển khai thư viện số.

8.4 Chế độ thông tin báo cáo

+ Để việc quản lí học sinh được chặt chẽ, giáo viên cần cập nhật danh sách học sinh theo lớp trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo vào đầu năm học.

+ Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của nhà trường trên trang Web, fanpage.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

+ Thông tin hai chiều kịp thời, báo cáo các mặt hoạt động của các cá nhân, bộ phận mình chính xác, đúng thời gian quy định về lãnh đạo nhà trường, với Phòng GD&ĐT, chính quyền địa phương, với cán bộ giáo viên và phụ huynh học sinh 1 cách thường xuyên liên tục qua hệ thống văn bản Hpnet, gmail, zalo và văn bản giấy để thông tin liên lạc và báo cáo.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo kế hoạch đã được lập; tổ chức hội ý để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời khi có các hoạt động phát sinh hoặc các hoạt động bị chông chéo.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường THCS Vĩnh Niệm. Nhà trường yêu cầu các tổ chức, đoàn thể, các cán bộ, giáo viên phối hợp thực hiện./.

*** Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh**

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 1. Xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Thực hiện xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm theo mục tiêu giáo dục toàn diện; chú trọng công tác quản lý và giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng, giáo dục pháp luật và ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh, sinh viên; kết hợp hài hòa “dạy chữ”, “dạy người” và “dạy nghề”, xây dựng

môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện văn hóa ứng xử trong trường học.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục; vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng kết quả rèn luyện và học tập của học sinh, sinh viên; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên; thường xuyên trao đổi với gia đình hoặc người giám hộ của học sinh, sinh viên theo quy định của điều lệ trường học hiện hành. Tăng cường kỷ cương, nề nếp trường, lớp học; tiếp tục đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục theo hướng thực chất và bền vững.

d) Xây dựng kế hoạch dạy học của đơn vị phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm chất lượng của nhà trường. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phối hợp với phụ huynh, người giám hộ trong tổ chức dạy học trực tiếp, trực tuyến và các hoạt động giáo dục khác. Thông tin đến phụ huynh, người giám hộ và học sinh, sinh viên phương án hoạt động của nhà trường trong thời gian học sinh, sinh viên nghỉ học.

đ) Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị trong nhà trường, đặc biệt là Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên... trong công tác giáo dục học sinh, sinh viên. Thành lập các câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao hữu ích, thiết thực với các nội dung hoạt động phong phú, đáp ứng xu hướng và nhu cầu phát triển về văn, thể, mỹ của học sinh, sinh viên.

2. Trách nhiệm của gia đình

Tham gia hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường; tăng cường kết nối với các tổ chức chính trị - xã hội trong các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học như: Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên... (gọi chung là tổ chức chính trị - xã hội); phòng công tác quản lý học sinh, sinh viên và giáo viên chủ nhiệm; chủ động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm và các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

a) Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, tập huấn, hướng dẫn các nhà trường trong phạm vi quản lý xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm về giáo dục văn hóa, chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, kỹ năng sống, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, an toàn giao thông; phòng, chống tội phạm, tai nạn thương tích, đuối nước, dịch bệnh; vệ sinh thực phẩm, môi trường... cho học sinh, sinh



viên; văn hóa ứng xử trong trường học; hoạt động trải nghiệm; giáo dục địa phương; dạy học trực tiếp, trực tuyến và các hoạt động giáo dục khác.

b) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ; hàng năm, các cơ quan, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình, kế hoạch giáo dục trong nội bộ ngành, địa phương và cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Giáo dục học sinh, sinh viên

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Nhà trường có trách nhiệm thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, quy tắc ứng xử; chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để tổ chức hoặc tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường, bảo đảm an toàn cho giáo viên và học sinh, sinh viên; thông báo về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên cho cha mẹ hoặc người giám hộ; giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Quản lý, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu chương trình giáo dục; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khóa, hoạt động xã hội, từ thiện vì cộng đồng, hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao an toàn, lành mạnh, thân thiện, bình đẳng, phù hợp với độ tuổi, đặc điểm sinh lý, tâm lý của học sinh, sinh viên nhằm hình thành và rèn cho học sinh, sinh viên kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

c) Huy động lực lượng giáo viên thực hiện công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền địa phương và gia đình tạo điều kiện cho trẻ, học sinh, sinh viên được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ, phụ huynh, người giám hộ của học sinh, sinh viên, trao đổi thông tin, chia sẻ, hỗ trợ về kiến thức, phương pháp giáo dục.

đ) Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng, các vấn đề học sinh, sinh viên quan tâm để kịp thời giải đáp, tháo gỡ hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Trách nhiệm của gia đình

a) Phối hợp với nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo đảm an toàn cho học sinh, sinh viên; tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham gia hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương, hướng nghiệp, hoạt động xã hội, hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Luật Giáo dục số

43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Tiếp nhận thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của con, em mình; tham gia hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; tham gia hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp với nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan quản lý giáo dục giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc giáo dục học sinh, sinh viên theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

a) Các cơ quan, tổ chức trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học nhằm xây dựng học sinh, sinh viên có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho học sinh, sinh viên, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của học sinh, sinh viên trên địa bàn về các vấn đề học sinh, sinh viên quan tâm.

Điều 3. Quản lý học sinh, sinh viên

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể và đội ngũ giáo viên trong việc xây dựng nền nếp tự quản, giáo dục lý tưởng, hoài bão, ước mơ cho học sinh, sinh viên; thường xuyên giữ mối liên lạc với gia đình, người giám hộ của học sinh, sinh viên, nhất là nhóm học sinh, sinh viên yếu thế và chậm tiến bộ, để nắm bắt tâm tư tình cảm, theo dõi sát sao tình hình tư tưởng, diễn biến tâm lý và có biện pháp giáo dục kịp thời; định hướng cho học sinh, sinh viên nâng cao nhận thức về văn hóa ứng xử trên môi trường mạng xã hội; hướng dẫn các em tham gia các trang mạng xã hội bảo đảm quyền tự do cá nhân trong giới hạn cho phép, không vi phạm các quy định của pháp luật và quy tắc ứng xử học đường; tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên. Kịp thời thông báo với gia đình, người giám hộ của học sinh, sinh viên khi xảy ra các vụ việc bạo lực học đường, các hành vi vi phạm pháp luật để phối hợp xử lý; trường hợp vụ việc vượt quá khả năng giải quyết của nhà trường thì thông báo kịp thời với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.



c) Giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên; động viên khen thưởng học sinh, sinh viên có thành tích; vận động học sinh, sinh viên bỏ học trở lại trường.

2. Trách nhiệm của gia đình

Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình; thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu con em thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật. Nắm bắt diễn biến tư tưởng và học tập, rèn luyện của con em mình cùng những học sinh, sinh viên khác, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục. Chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

Hỗ trợ các nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học; phối hợp quản lý học sinh, sinh viên trên địa bàn dân cư; xử lý các hoạt động tiêu cực, hành vi vi phạm pháp luật có ảnh hưởng xấu đến học sinh, sinh viên.

Điều 4. Đảm bảo an ninh, an toàn trường học

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng; chống bạo lực học đường; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, thiên tai, dịch bệnh; vệ sinh an toàn thực phẩm... phối hợp chặt chẽ với các cơ quan y tế của địa phương trong công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

b) Xây dựng và thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trong trường học; giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để học sinh, sinh viên biết tự bảo vệ mình thích ứng được môi trường xã hội, có thể tự tin, chủ động, không bị quá phụ thuộc, tự giải quyết được một số vấn đề thiết thực trong cuộc sống, tự đem lại lợi ích chính đáng, điều kiện thuận lợi cho bản thân mình rèn luyện, học tập phần đầu vươn lên.

2. Trách nhiệm của gia đình

Phối hợp với nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục; các cơ quan chức năng khác để giải quyết các vấn đề có liên quan đến an ninh, an toàn trường học trong việc giáo dục con em mình; chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

a) Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe trẻ em trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện phòng, chống dịch bệnh và tai nạn, thương tích.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Lâm Đồng tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ học sinh, sinh viên khi tham gia môi trường mạng.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, các tổ chức văn hóa phối hợp với nhà trường; tăng cường vai trò của các thiết chế văn hoá trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội; phối hợp xây dựng tài liệu tuyên truyền nâng cao năng lực giáo dục cho các bậc cha mẹ, thanh niên, học sinh, sinh viên, sinh viên...

d) Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an cấp huyện, xã... đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường. Phối hợp với ngành Giáo dục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhà giáo, người học, các cơ sở giáo dục về công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Thường xuyên trao đổi với ngành Giáo dục địa phương về âm mưu, phương thức hoạt động của các loại tội phạm trong giai đoạn hiện nay và thông tin về các trường hợp vi phạm pháp luật liên quan đến người học và cán bộ, nhà giáo để phối hợp phòng ngừa, xử lý; đồng thời, chủ động tổ chức thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong các nhà trường.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác; phối hợp xác minh, đánh giá, điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với học sinh, sinh viên.

Điều 5. Xây dựng cơ sở vật chất trường học

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh, sinh viên; đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

b) Xây dựng kế hoạch, thực hiện huy động mọi nguồn lực của cộng đồng để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học.

2. Trách nhiệm của gia đình

a) Thông qua Ban Đại diện cha, mẹ học sinh và các tổ chức chính trị - xã hội trong các cơ sở giáo dục đề xuất với nhà trường và chính quyền địa phương tạo điều kiện phát triển về quy mô trường lớp, đảm bảo về cơ sở vật chất; phối hợp với nhà trường, thực hiện các khoản thu từ học sinh, sinh viên theo quy định; thỏa thuận với nhà trường đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục và tham gia thực hiện xã hội hóa giáo dục hỗ trợ nhà trường tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

b) Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong thực hiện các hoạt động giáo dục; giúp đa dạng và tối đa hóa các nguồn lực xây dựng cơ sở giáo dục theo hướng mở, đảm bảo môi trường giáo dục tốt nhất cho học sinh, sinh viên.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

a) Hỗ trợ các nguồn lực phát triển sự nghiệp giáo dục theo khả năng của mình; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ khuyến học, quỹ bảo trợ giáo dục theo quy định của pháp luật.

b) Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục của ngân sách địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn liên quan. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Nhà trường

Triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên và gia đình học sinh, sinh viên thực hiện Quy chế này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 7. Gia đình

Phối hợp với nhà trường và các cơ quan, tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả trách nhiệm của gia đình theo quy định tại Quy chế này.

B. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Căn cứ Công văn số 2156/SGDDT-TrH ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024;

Công văn số 1552/SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn báo cáo tổng kết năm học 2023 – 2024 đối với Giáo dục trung học.

Trường THCS Vĩnh Niệm báo cáo tổng kết giáo dục trung học năm học 2023 – 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2025, cụ thể như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 – 2024

I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia

1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên

1.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 – 2023

a) Quy mô trường, lớp

- Năm học 2023 – 2024, trường THCS Vĩnh Niệm được UBND quận giao chỉ tiêu tuyển sinh 07 lớp 6 với 315 HS (theo Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND quận Lê Chân).

- Từ ngày 03/7 – 31/7/2023, nhà trường đã thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp theo đúng hướng dẫn của UBND quận và Phòng GD&ĐT (theo Công văn số 1469/UBND-GDĐT ngày 15/5/2023 của UBND quận Lê Chân). Kết quả:

+ Tuyển sinh được 07 lớp 6 với 332 HS.

+ Số HS đăng ký trực tuyến đúng tuyển: 292 HS (92,7% so với kế hoạch quận giao).

+ Số HS không đăng ký được trực tuyến: 05 HS (1,6% so với kế hoạch quận giao).

- Đầu năm học, nhà trường có 980 học sinh, trong đó có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Số học sinh toàn trường được phân thành 22 lớp (tăng 02 lớp so với năm học 2022 – 2023).

- Cuối năm học, tổng số học sinh toàn trường là 965 học sinh (giảm 18 học sinh so với đầu năm học), trong đó có 03 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Nguyên nhân giảm: trong năm học có 11 học sinh chuyển đến và 29 học sinh chuyển đi.

- Trong năm học 2023 – 2024, nhà trường không có học sinh bỏ học.

- Số liệu cụ thể như sau:

		Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Chênh lệch
Lớp 6	Số lớp	5	7	+2
	Số HS	249	334	
	Dân tộc	6	3	
	Số HS nữ	118	151	
Lớp 7	Số lớp	5	5	
	Số HS	202	245	
	Dân tộc	2	6	
	Số HS nữ	89	117	
Lớp 8	Số lớp	5	5	
	Số HS	204	186	
	Dân tộc	0	1	
	Số HS nữ	111	85	
Lớp 9	Số lớp	5	5	
	Số HS	194	200	
	Dân tộc	2	0	

CH
NG
: COS
IEM
ĐNF

		Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Chênh lệch
Toàn trường	Số HS nữ	95	108	
	Số lớp	20	22	+2
	Số HS	849	965	+116
	Dân tộc	10	10	
	Số HS nữ	413	461	

- Nguyên nhân:

+ Nhà trường được PHHS tin tưởng, tạo điều kiện trong việc giáo dục HS.

+ Đội ngũ CB, GV, NV nhiệt tình, năng động, tận tâm, trách nhiệm, luôn tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy giúp HS vui vẻ, phấn khởi khi đến trường.

b) *Đội ngũ giáo viên*

- Đầu năm học, tổng số CB, GV, NV toàn trường là 43 đ/c. Trong năm học, nhà trường tiếp nhận 02 đ/c. Tổng số CB, GV, NV toàn trường hiện nay là 45 đ/c. Cụ thể như sau:

- Số lượng GV:

Tổng số CB, GV, NV	Trong đó						
	Biên chế				Hợp đồng		
	Tổng	BGH	Giáo viên	Nhân viên	Tổng	Giáo viên	Nhân viên
45	41	2	36	3	4	4	0

- Trình độ GV:

Chuyên môn				Ngoại ngữ			Tin học		
Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	A	B	C	A	B	C
8	37	0	0	0	37	0	0	41	0

- Cơ cấu GV theo môn học:

TSGV	Cơ cấu GV theo môn học
------	------------------------

	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	GDCD	Công nghệ	Tin	Ngoại ngữ	Mĩ thuật	Âm nhạc	GDTC
40	11	1	1	2	9	1	1	1	0	0	5	1	3	2

- Tỷ lệ giáo viên trên lớp 40/22 đạt 1,81 GV/ lớp.

- CB, GV, NV đều nhiệt tình, trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, mến trẻ và có năng lực chuyên môn vững vàng.

c) Cơ sở vật chất

- Tổng số phòng học hiện có: 24 phòng/ 22 lớp. Phòng học kiên cố: 24/24. Thừa 02 phòng học.

- Bàn ghế hiện có: Bàn ghế GV: 24/24 bộ, đủ cho mỗi phòng học 01 bộ. Bàn ghế HS: hiện nay nhà trường có đủ bàn ghế cho tất cả học sinh ngồi học đảm bảo 01 chỗ ngồi/ 01 HS.

- Nhà trường có 08 phòng chức năng, 08 phòng học bộ môn. Các phòng đều đạt yêu cầu theo quy định và có đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học.

- Mỗi phòng học đều có tivi hoặc máy chiếu, có kết nối wifi để phục vụ dạy và học trên lớp.

- Khuôn viên nhà trường luôn xanh, sạch và an toàn.

- Hệ thống nhà vệ sinh dành riêng cho GV: 08 phòng (04 nam; 04 nữ); Nhà vệ sinh dùng cho HS: 04 (02 nam; 02 nữ) luôn được trang bị đầy đủ CSVC, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo phục vụ nhu cầu của HS, GV.

- Hệ thống rãnh thoát nước đảm bảo việc thoát nước mưa, thoát nước sinh hoạt cho nhà trường, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp.

- Nhà trường sử dụng nước sạch của Công ty cấp nước Hải Phòng. Đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho nhu cầu sử dụng hàng ngày của GV và HS. Nhà trường mua nước tinh khiết đóng bình đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm để phục vụ nhu cầu nước uống cho cán bộ GV và HS sử dụng.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Về cơ cấu GV: còn thiếu GV ở một số bộ môn.

- Về CSVC, trang thiết bị dạy học: Nhà trường còn thiếu thiết bị dạy học ở một số môn học, chủ đề của Chương trình GDPT 2018.

2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Nhà trường đã được công nhận là trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng.

3. Công tác phổ cập giáo dục: đánh giá tình hình phổ cập THCS và các chỉ số phổ cập giáo dục, dự kiến thời gian đề nghị Bộ GDĐT kiểm tra công nhận.

3.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 – 2023

- Đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2

Nội dung	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Trẻ 6 tuổi huy động ra lớp 1	429/429 (100%)	370/370 (100%)	
Số trẻ ở độ tuổi 11- 14 phải tốt nghiệp TH	2097/2100 (99,86%)	2356/2359 (99,9%)	
Số người độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 2	100%	100%	
Số đối tượng từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS	1649/1657 (99,52%)	1765/1795 (98,3%)	
Số đối tượng từ 15 – 18 tuổi đang học THPT hoặc Bổ túc THPT hoặc THCN , trường dạy nghề là 1748.	1641/1657 (99%)	1748/1795 (97,4%)	

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Dữ liệu phổ cập giáo dục sau khi thu thập được nhập trên phần mềm microsoft excel, gây khó khăn trong việc thống kê số liệu.

II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học

1. Kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh

- Đánh giá theo Thông tư 22:

* Năm học 2022 – 2023:

Khối	Tổng số HS được đánh giá	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
6	234	93,98	15	6,02					
7	177	88,06	16	7,96	4	1,99	4	1,99	

* Năm học 2023 – 2024:

Khối	Tổng số HS được đánh giá	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
6	334	317	94,91	17	5,09				
7	245	240	97,96	2	0,82			3	1,22

8	186	180	96,77	6	3,23				
---	-----	-----	-------	---	------	--	--	--	--

- Đánh giá theo Thông tư 58:

* Năm học 2022 – 2023:

Khối	Tổng số HS được đánh giá	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
8	204	193	94,61	11	5,39				
9	194	194	100						

* Năm học 2023 – 2024:

Khối	Tổng số HS được đánh giá	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
9	200	197	98,5	3	1,5				

2. Kết quả đánh giá học tập của học sinh

- Đánh giá theo Thông tư 22:

* Năm học 2022 – 2023:

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
6	249	121	48,59	95	38,15	27	10,84	6	2,41
7	201	101	50,25	58	28,86	35	17,41	7	3,48

* Năm học 2023 – 2024:

Khối	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
6	334	150	44,91	114	34,13	60	17,96	10	2,99
7	245	103	42,04	81	33,06	55	22,45	6	2,45
8	186	88	47,31	55	29,57	35	18,82	8	4,3

- Đánh giá theo Thông tư 58:

* Năm học 2022 – 2023

Khối	Số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)

8	204	125	61,2 7	51	25	22	10,7 8	6	2,94		
9	194	116	59,7 9	56	28,8 7	22	11,3 4				

* Năm học 2023 – 2024

Khố i	Số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
9	200	145	72,5	30	15	25	12,5				

3. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong nhà trường

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kết quả triển khai thực hiện Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo chuyên môn của các cấp kịp thời, đúng quy định từ tổ, nhóm chuyên môn đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường. Đặc biệt trong năm học 2023 - 2024, nhà trường quan tâm chỉ đạo sát Hội đồng sư phạm nhà trường thực hiện nghiêm túc, kịp thời các Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT về thực hiện Chương trình sách giáo khoa mới; Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra – đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông; Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp trung học.

- Triển khai tới các GV xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo chu kì. Các tổ, nhóm chuyên môn tiến hành rà soát chương trình và xây dựng chương trình nhà trường theo từng bộ môn, có sự phê duyệt của BGH nhà trường. Trên cơ sở đó xây dựng các chủ đề dạy học, đăng kí dạy các chuyên đề cấp trường, quận nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường đáp ứng yêu cầu của đổi mới.

- Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Thực hiện đúng chương trình giảng dạy và học tập theo kế hoạch năm học của Phòng GD&ĐT; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp THCS năm học 2023-2024 của Sở GD&ĐT.

3.2. Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của đơn vị; công tác sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học

- Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, yêu cầu giáo viên thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Phổ biến quy chế chuyên môn, nội dung sinh hoạt chuyên môn, mẫu kế hoạch bài dạy, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quỹ đề các môn học; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực ở các tổ nhóm chuyên môn.

- BGH và các tổ, nhóm chuyên môn thường xuyên dự giờ thăm lớp; tổ chức hội thảo từ cấp tổ đến cấp trường, tổ chức dự giờ. Chú trọng tổ chức cho giáo viên nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, dạy học tích hợp, liên môn...; quan tâm xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ GV bộ môn cốt cán của tất cả các bộ môn.

- Tổ chức tốt việc dạy học phân hoá theo năng lực của HS dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS; Chú trọng công tác phụ đạo HS yếu.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học; Tham gia các cuộc thi do Bộ, Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT tổ chức.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và thực hiện nghiêm túc từ đầu năm học. Tổ chức lên lớp chuyên đề, dạy thử nghiệm của tổ, nhóm chuyên môn. Xây dựng chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp khai thác, phát huy tính chủ động tích cực của học sinh. Đổi mới sinh hoạt tổ - nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Triển khai áp dụng các phương pháp dạy học tích cực; sử dụng di sản văn hoá trong dạy học, xây dựng và thực hiện chủ đề dạy học và chủ đề tích hợp, liên môn của các môn học.

3.3. Kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

- BGH nhà trường quản lý điểm bằng CSDL ngành, thường xuyên kiểm tra việc cập nhật điểm của giáo viên, theo dõi đánh giá chất lượng từng môn học.

- 100% giáo viên đứng lớp thực hiện đúng quy chế chuyên môn, không cắt xén chương trình, có đủ hồ sơ giáo án khi giảng dạy, có ứng dụng CNTT, chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy học trong các tiết dạy, xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh.

3.4. Kết quả thực hiện quy chế chuyên môn, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn, quản lý hồ sơ sổ sách trong nhà trường, đổi mới hình thức quản lý chuyên môn.

a) Thực hiện qui chế chuyên môn, triển khai chương trình nhà trường

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn

- Thực hiện đúng chương trình nhà trường

b) Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá

*** Ưu điểm, tồn tại**

- Thực hiện nghiêm chỉnh Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về đổi mới kiểm tra đánh giá, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Cập nhật điểm trên CSDL nghiêm túc, đúng thời gian quy định.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học.

- Tích cực tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, Hội thi GVCN giỏi cấp quận, Hội thi GV TPT giỏi cấp quận.

- 100% các nhóm chuyên môn đã rà soát chương trình, có phát hiện những bất cập của chương trình hiện hành và đã có những đề xuất, sắp xếp, điều chỉnh xây dựng chương trình nhà trường theo hướng dẫn của cấp trên.

*** Kết quả:**

- Kết quả việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh

Số chủ đề đã thực hiện trong năm học	Trong đó		
	Chủ đề môn học	Chủ đề tích hợp	Chủ đề liên môn (STEM)
56	52	20	06

- Kết quả SHCM theo định hướng nghiên cứu bài học:

Số buổi SHCM theo định hướng nghiên cứu bài học	Số GV tham gia	Số môn (thuộc các môn học nào)
60	39	Toán, Lý, Hóa, sinh, Công nghệ, Tin, Văn, Anh, Sử, Địa, GDCD, Âm Nhạc, Mĩ thuật

- Kết quả thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hình thức trải nghiệm sáng tạo

STT	Tên chủ đề/môn	Số tiết học trải nghiệm	Số HS tham gia
1	Hoạt động trải nghiệm: - Vẽ hình bằng phần mềm geogabra - Tắm thiệp của em Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam - Công thức lãi kép - Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	10	Các lớp khối 6, 7, 8

STT	Tên chủ đề/môn	Số tiết học trải nghiệm	Số HS tham gia
	- Khí hậu Việt Nam		
2	Hoạt động trải nghiệm	08	Các lớp khối 6, 7, 8

c) Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn Văn hóa, Thể dục thể thao, Văn nghệ, nghệ thuật...

- Các đ/c GV phụ trách các đội tuyển có kế hoạch ôn tập cho học sinh ngay từ đầu năm.

- Tất cả các môn đều lựa chọn học sinh và tích cực ôn luyện kiến thức, rèn kỹ năng chuẩn bị tốt cho kì thi học sinh giỏi.

- Ôn luyện, hướng dẫn học sinh tham gia các kì thi Toán, Tiếng Anh và Khoa học qua mạng internet.

- Kết quả

* Cấp Quốc gia: 58 giải: 03 HCV, 16 HCB, 26 HCD, 13 KK

* Cấp Thành phố: 19 giải: 05 Nhất, 05 Nhì, 05 Ba, 04 KK.

* Cấp Quận: 54 giải: 06 Nhất, 17 Nhì, 14 Ba, 17 KK.

d) Tổ chức, tham gia thực hiện các chuyên đề chuyên môn:

- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả theo hướng đổi mới đối với các chuyên đề đã thực hiện

- Tích cực tìm tòi đổi mới phương pháp dạy học theo các phương pháp dạy học tích cực

- Các bộ môn tham gia đầy đủ và thực hiện theo kế hoạch từng tháng

- Kết quả:

Cấp	TT	Tên/nội dung chuyên đề, hội thảo	Khối/lớp	Tên CB, GV dạy minh họa/báo cáo/Chủ trì	Đánh giá hiệu quả
TRƯỜNG	1	Dạy học tích hợp "Lí thuyết âm nhạc: gam trưởng, giọng trưởng"	8	Nguyễn Thị Huyền	Tốt
	2	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS văn bản: Lá cờ thêu sáu chữ vàng	8	Bùi Thị Thương	Tốt
QUẬN	1	Dạy học Chương trình GDPT 2018 môn Giáo dục công dân 8 - Bài 9: "Phòng ngừa vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại"	8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Xuất sắc

Cấp	TT	Tên/nội dung chuyên đề, hội thảo	Khối/ lớp	Tên CB, GV dạy minh họa/báo cáo/Chủ trì	Đánh giá hiệu quả
	3	Dạy học tích hợp . Unit 3. lesson 1. Getting started.	6	Hà Thảo Trang	Tốt
	4	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS ;văn bản: Thiên Trường văn vọng	8	Nguyễn Thị Khuyên	Tốt
	5	Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học.:Unit 3. Leson 1.Getting stated	7	Nguyễn Văn Lập	Tốt
	6	Dạy học tích hợp: Trung Quốc và Nhật Bản	8	Bùi Thị Hào	Tốt
	7	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong giờ Thực hành tiếng việt.: Trang ngữ	6	Nguyễn Thị Thúy	Tốt
	8	Đổi mới KTĐG kết quả học tập của HS : Văn bản " Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt" 7	6	Hoàng Mai Vân	Tốt
	9	Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học. Trong giờ Âm nhạc	9	Trần Thị Giang	Tốt
	10	Dạy học tích hợp trong giờ thực hành tiếng việt " Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ"	6	Vũ Thị Kim Dung	Tốt
	11	Dạy học đổi mới KTĐG kết quả học tập của HS trong giờ tiếng Anh	6	Nguyễn Thị Thun Hà	Tốt
	12	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong giờ thực hành tiếng việt : Sắc thái nhĩa của từ và việc lựa chọn từ...	8	Trần Thị Hằng	Tốt
	13	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong giờ Đọc văn bản " Lá đỏ"	8	Nguyễn Thị Vóc	Tốt
	14	Dạy học Stem. Mĩ thuật 8	8	Hoàng Đức Anh	Tốt
	15	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong giờ " Luyện nói giới thiệu cuốn sách"	8	Đặng Thị Thu Hoài	Tốt
	16	Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học. Trong giờ Tiếng	8	Phạm Thị Khánh Hương	Tốt

Cấp	TT	Tên/nội dung chuyên đề, hội thảo	Khối/ lớp	Tên CB, GV dạy minh họa/báo cáo/Chủ trì	Đánh giá hiệu quả
		anh			
	17	Dạy học đổi mới kết quả kiểm tra đánh giá của HS	8	Vũ Thị Thanh	Tốt
	18	Dạy học tích hợp trong giờ Đọc - hiểu văn bản " Mùa xuân nho nhỏ	7	Phạm Thị Phụng	Tốt
	19	Dạy học tích hợp trong bài: tác động của biến đổi khí hậu....	8	Nguyễn Đức Toàn	Tốt
	20	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đổi số trong dạy học " Luyện tập lũy thừa của một số hữu tỉ"	7	Phạm Thị Ngọc hoa	Tốt
	21	Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học "Dung dịch và nồng độ dung dịch"	8	Cao Thị Hà	Tốt
	22	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đổi số trong dạy học " Số nguyên tố"	6	Phạm Thị Hồng Trinh	Tốt
	23	Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học "Bình phương một tổng, bình phương một hiệu, hiệu hai bình phương"	8	Vũ Thị Hải	Tốt
	24	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đổi số trong dạy học "Nhảy xa"	9	Nguyễn Đức Vỹ	Tốt
	25	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đổi số trong dạy học " Ôn tập học kỳ I"	8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tốt
	26	Dạy học Stem- trải nghiệm " Quạt Man da la"		Phạm Thị Minh Phương	Tốt
	27	Dạy học Stem- trải nghiệm " Ươm mầm khởi nghiệp"	6	Đỗ Thị Phụng	Tốt
	28	Dạy học tích hợp " Biểu đồ hình quạt tròn"	7	Đặng Thị Vân Anh	Tốt
	29	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đổi số trong dạy học " đá cầu"	8	Phạm Thị Dung	Tốt

Cấp	TT	Tên/nội dung chuyên đề, hội thảo	Khối/ lớp	Tên CB, GV dạy minh họa/báo cáo/Chủ trì	Đánh giá hiệu quả
	30	Dạy học chương trình giáo dục 2018 "Luyện tập định lý Pythagore"	8	Đoàn Thị Minh Hậu	Tốt
	31	Dạy học Stem-Hoạt động trải nghiệm " Ứng dụng của CO2	7	Phạm Thị Lý	Tốt
	32	Dạy học Stem-Hoạt động trải nghiệm " Ứng dụng của CO2	7	Vi Thị Xoan	Tốt
	33	Đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số trong dạy học " Trung điểm đoạn thẳng"	6	Nguyễn Hồng Nhung	Tốt
	34	Dạy học tích hợp " Luyện tập chung hoạt động hè yêu thích"	6	Vũ Anh Thu	Tốt
	35	Dạy học Stem- trải nghiệm " Hình hộp chữ nhật"	7	Vũ Thị Nhung	Tốt
	36	Dạy học Stem- trải nghiệm " Chế tạo nhạc cụ"	7	Đoàn Thị Duyên	Tốt

3.5. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Số lượng và chất lượng HS tham gia thi HSG còn chưa cao.
- Trong một số chuyên đề của GV các phương pháp dạy học được vận dụng có một vài phương pháp chưa được rõ nét.

4. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Giải pháp thực hiện giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau THCS

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của PH, HS, xã hội về vai trò của giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế, xã hội, phát triển con người.

- Tăng cường phối hợp giữa các trường THCS với các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp và làng nghề truyền thống trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS và tiếp nhận HS sau khi tốt nghiệp THCS tiếp tục vào học tại các cơ sở giáo dục hướng nghiệp.

4.2. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023

- Trường thực hiện đúng, đủ chương trình, thời lượng, chủ đề hướng nghiệp cho học sinh lớp trong năm học. Trong mỗi tiết giáo dục hướng nghiệp có liên hệ thực tế, giáo

dục, từng bước hình thành sự nhận thức của các em đối với việc định hướng nghề nghiệp sau này; có phân tích đặc điểm, yêu cầu một số của ngành nghề hiện nay.

- Trường thường xuyên tổ chức họp mặt PHHS thông tin kết quả học tập của học sinh trong từng học kỳ để PH năm bắt được năng lực học tập của con em mình. Trường cũng thông tin kết quả tuyển sinh lớp 10 và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường THPT trong thành phố để PHHS chọn trường sau TNTHCS. Đồng thời trường cũng được các trường trung cấp nghề đến giới thiệu, tư vấn nghề cho PH.

- Ngay từ cuối học kì II của năm học và sau khi xét công nhận TN THCS, trường phân luồng học sinh, tổ chức tuyên truyền, tư vấn bằng những thông tin của Trung tâm GDTX quận, Trung tâm dạy nghề huyện, thông tin tuyển sinh của các trường trung cấp nghề. Ngoài ra, nhóm giáo viên còn phân tích, hướng dẫn, động viên PH cho con em chọn nghề, tham khảo hồ sơ tuyển sinh của các đơn vị.

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Tỷ lệ HS vào trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề còn ít, cũng do PH chưa đồng thuận với quan điểm, chủ trương của ngành, còn lo sợ con em xa nhà tiếp cận xã hội quá sớm dễ bị cám dỗ rơi vào hư hỏng, khó quản lý, đặc biệt là đối với học sinh nữ.

- Học sinh chưa nhận thức đúng cho hướng đi trong tương lai cộng với hoàn cảnh kinh tế gia đình nên phải đi lao động, làm thuê phụ giúp gia đình sau khi TN. Do đó, trường không có điều kiện gặp gỡ để trao đổi, vận động các em.

5. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học, hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục trung học theo công văn số 1877/SGDDĐT-GDTrH ngày 01/9/2021 của Sở GD&ĐT.

5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023

- Nhà trường kết hợp với Trung tâm Nhật ngữ Hanami, Công ty cổ phần quốc tế GAIA tổ chức cho học sinh khối 6, 7 (có nguyện vọng đăng ký) học tiếng Nhật, kỹ năng sống dưới hình thức câu lạc bộ.

* Dạy tiếng Nhật: Tổng số nhóm: 04; Tổng số học sinh: 199 chiếm 20,49%.

* Dạy kỹ năng sống: Tổng số nhóm: 12; Tổng số học sinh: 555 chiếm 57,16%.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tỷ lệ học sinh đăng ký học thêm, học Tiếng Nhật và KNS chưa cao.

6. Kết quả thực hiện giáo dục STEM, hoạt động NCKH: Công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá, kết quả đạt

6.1. Kết quả đạt được

- Giáo dục STEM và hoạt động NCKH, viết SKKN luôn được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện.

- Trong năm học 2023 – 2024: nhà trường có 02 dự án tham gia cuộc thi KHKT cấp quận. Trong đó 01 dự án đạt giải Nhất và 01 dự án đạt giải Nhì.



- Dự án “Máy cảm biến bụi mịn” của cô giáo Vũ Anh Thư và HS Phạm Trọng Quang Anh, Cao Yến Nhi lớp 9A4 được tham gia cuộc thi KHKT cấp thành phố và đạt giải Nhì chung cuộc.

- Số CB, GV đăng kí viết sáng kiến: 09 đ/c (tăng 03đ/c so với năm học 2022 – 2023). Kết quả: 07 sáng kiến của 09 đ/c được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp quận.

- Công tác triển khai ứng dụng: Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã cho CB, GV đăng ký viết sáng kiến. Tổ chức triển khai các sáng kiến của nhà trường đạt từ loại B (Khá) trở lên tới các tổ, nhóm CM vào các buổi sinh hoạt tổ, nhóm CM.

- Nhà trường cũng là đơn vị thường xuyên nghiên cứu, đổi mới phương pháp dạy học, tham gia nghiên cứu khoa học, lao động sáng tạo.

- Tổ chức 05 chuyên đề dạy học STEM – trải nghiệm ở các khối lớp 6, 7, 8. Cụ thể:

STT	Tên chuyên đề	Khối	GV thực hiện	Ghi chú
1	Dạy học Stem- trải nghiệm " Quạt Man da la"	6	Phạm Thị Minh Phương	
2	Dạy học Stem- trải nghiệm "Ươm mầm khởi nghiệp"	6	Đỗ Thị Phượng	
3	Dạy học Stem-Hoạt động trải nghiệm " Ứng dụng của CO2	7	Phạm Thị Lý Vi Thị Xoan	
4	Dạy học Stem- trải nghiệm "Hình hộp chữ nhật"	7	Vũ Thị Nhung	
5	Dạy học Stem- trải nghiệm " Chế tạo nhạc cụ"	7	Đoàn Thị Duyên	
6	Dạy học STEM “Luyện tập định lý Pythagore”	8	Đoàn Thị Minh Hậu	

- Các chủ đề STEM đều hấp dẫn, tạo được hứng thú cho HS, tạo cơ hội giúp HS có các trải nghiệm mới trong học tập.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Nhà trường còn thiếu thiết bị dạy học cho các chuyên đề STEM.

7. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể; tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; an toàn giao thông; Công tác Đoàn, Đội trong nhà trường.

7.1. Kết quả đạt được

a) Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh

* Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục truyền thống:

- Giáo dục truyền thống về Đảng, Bác Hồ, về quê hương, đất nước, về nhà trường qua hệ thống phát thanh măng non, bảng tin, Lễ chào cờ...

- Khai giảng năm học, tổ chức cho học sinh dâng hương tại Đền liệt sĩ quận Lê Chân, Lăng Phạm Tử Nghi.

- Tri ân các gia đình học sinh, cán bộ giáo viên thuộc diện chính sách nhân dịp ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7.

- Tổ chức lễ chào cờ hàng tháng, biểu dương các lớp đạt kết quả thi đua tốt, tặng cờ xuất sắc cho lớp dẫn đầu và khen thưởng các học sinh đạt danh hiệu "Ba tốt" của tháng, học sinh đạt Thủ khoa, á khoa các Kỳ thi kiểm tra giữa và cuối kỳ.

* Tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường:

- Tham gia lễ trồng cây đầu xuân năm 2024 do UBND quận Lê Chân tổ chức tại khu tái định cư A51 phường Vĩnh Niệm.

- Tham gia chương trình thanh niên tình nguyện vì cộng đồng do Đoàn phường phát động phối hợp với các hoạt động xây dựng khu đô thị văn minh, dọn dẹp vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh tại khu tái định cư A51.

- 100% các chi đội tham gia cuộc thi lớp học "Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn – Thân thiện".

- Hàng tháng, tổ chức cho học sinh lao động tổng vệ sinh toàn trường.

- Tuyên truyền cho học sinh qua việc dạy học lồng ghép các môn học: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Sinh học...; qua Lễ chào cờ

* Giáo dục học sinh chấp hành luật giao thông và đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.

- Tổ chức cho 100% học sinh tham dự Lễ tưởng niệm các nạn nhân bị tai nạn giao thông.

- Chi đoàn cùng với đội học sinh xung kích tham gia giữ gìn trật tự ATGT trước cổng trường trong giờ vào học và tan trường.

- Kết hợp cùng Công an quận Lê Chân tổ chức buổi tuyên truyền pháp luật về ATGT.

- Tuyên truyền, giáo dục học sinh về ATGT qua việc dạy lồng ghép các môn học, qua Lễ chào cờ, phát thanh măng non.....

- Hưởng ứng các cuộc thi trực tuyến về an toàn giao thông.

b) Công tác đảm bảo an toàn trường học

- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch về công tác phòng chống tai nạn, thương tích và triển khai thực hiện tới toàn thể CB,GV,NV trong trường năm được và cùng phối hợp tham gia. Do đó toàn trường trong năm qua đã không bị xảy ra các vụ tai nạn gây thương tích gây hậu quả nặng cho CB,GV,NV và học sinh trong nhà trường.

- Đã tổ chức, phổ biến và quán triệt trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về pháp Luật, Pháp Lệnh, Nghị định, Thông tư, Chỉ thị và các công văn hướng dẫn thực hiện

QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

công tác bảo vệ an ninh trong trường học nhằm tiếp tục tăng cường nhận thức về công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong trường học cho CB, GV, NV và học sinh của nhà trường.

- Kết hợp với Công an quận Lê Chân tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng cháy chữa cháy tới toàn thể CB, GV, NV, HS nhà trường.

- Thông qua các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động tổ chức các chuyên đề, đã giúp CB, GV, NV có những kiến thức cơ bản và thiết thực, có thái độ đúng mực, có niềm tin và có hành vi, hoạt động chủ động nhằm bảo vệ an ninh trật tự trường học, phòng chống tệ nạn xã hội và ma túy, bảo đảm sự ổn định về an ninh trật tự, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường, góp phần quan trọng củng cố nền quốc phòng toàn dân và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Do vậy trong thời gian qua trên địa bàn của đơn vị không bị xảy ra các vụ việc gây mất an ninh trật tự như: trộm cắp tài sản, cháy nổ, đánh nhau... gây mất an toàn.

- Nhà trường đã tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về việc cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán và sử dụng pháo nổ. Giáo dục, tuyên truyền mạnh mẽ trong CB, GV, NV, phụ huynh và các cháu về việc thực hiện Luật Giao thông đường bộ; Phối hợp ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm (điều khiển xe máy không có giấy phép lái xe, chở quá số người quy định, uống rượu, bia trước khi lái xe, không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy tham gia giao thông, tham gia hoặc cổ vũ đua xe trái phép,...). Do vậy 100% CB, GV, NV toàn trường đều chấp hành tốt luật lệ ATGT khi tham gia giao thông trên đường và tích hợp lồng ghép giáo dục pháp luật ATGT cho các cháu trong các hoạt động học tập tại trường.

- Nhà trường đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, phòng chống ma túy, HIV/AIDS, các tệ nạn XH và công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh trường học và công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong CB-GV-NV toàn trường. Tăng cường công tác phối hợp giữa cán bộ địa phương, nhân dân và đặc biệt là hội phụ huynh với nhà trường, không để tình trạng tham gia tụ tập đông người, gây rối trật tự công cộng và cùng phối hợp thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân cho các cháu và đặc biệt là việc đảm bảo tuyệt đối về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường.

c) Các chuyên đề, hoạt động ngoại khóa

CHUYÊN ĐỀ ĐOÀN ĐỘI				
TT	Tên/ nội dung	Cấp	Thời gian thực hiện	Đánh giá
1	Chuyên đề "Màu của Tết"	TP	30/1/2024	xuất sắc

2	Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	TP	26/3/2024	
---	---	----	-----------	--

HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA				
TT	Tên/ nội dung	Cấp	Thời gian thực hiện	Đánh giá
1	Lồng đèn thấp sáng ước mơ	Quận	26/9/2024	Tốt
2	Tuyên truyền sức khỏe sinh sản vị thành niên	Trường	10/02/2024	Tốt
3	Ngày thứ 7 cùng dân	Trường	10/08/2024	Tốt
4	Trải nghiệm PCCC	Trường	10/08/2024	Tốt
5	Tuyên truyền giáo dục pháp luật ATGT	Quận	10/07/2024	Tốt
6	Khám sức khỏe răng miệng	Trường	21/10/2024	Tốt
7	Hoạt động trải nghiệm HS khối 7	Trường	23/10/2024	Tốt
8	Ngày vệ sinh cộng đồng	Trường	28/10/2023	Tốt
9	Hội thi thiếu nhi dẫn chương trình	TP	11/04/2024	Tốt
10	Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô	Trường	29/11/2024	Tốt
11	Thiếu niên VN Công dân toàn cầu	TP	14/12/2024	Xuất sắc
12	Tuyên truyền Phòng cháy chữa cháy	quận	01/09/2024	Tốt
13	Thi thuyết trình Tiếng Anh	TP	15/1/2024	Tốt
14	Hoạt động trải nghiệm gói bánh chưng	Trường	30/1/2024	Tốt
15	Tết trồng cây xuân Giáp Thìn	Quận	15/2/2024	Tốt
16	Phổ biến pháp luật an ninh mạng	Quận	28/2/2024	Tốt
17	Lễ trưởng thành Đội HS K9	Trường	03/04/2024	Tốt
18	Hội thi Sơn ca	TP	03/10/2024	tốt
19	Vũ điệu thanh niên	Quận	15/3/2024	Xuất sắc
20	Chech in tự hào một dải non sông	Trường	18/3/2024	Xuất sắc
21	Khởi công nhà "Khăn quàng đỏ"	Trường	21/3/2024	Tốt
22	Giáo dục truyền thống	Trường	05/07/2024	tốt

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số HS chưa tích cực tham gia các hoạt động tập thể của lớp, trường.
- Trong năm học 2023 – 2024, nhà trường có 03 trường hợp HS vi phạm quy định về an toàn giao thông (không đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy) bị xử lý kỉ luật.

8. Kết quả thực hiện công tác Quản lý việc dạy thêm, học thêm

8.1. Kết quả thực hiện đạt được

- Căn cứ nguyện vọng của PH, HS, từ tháng 10/2023 – 04/2024, nhà trường tổ chức dạy thêm trong nhà trường trên tinh thần tự nguyện (có đơn của PH).

- Học sinh khối 6, 7 học các môn: Toán (4 tiết/ tuần); Văn (4 tiết/ tuần); Anh (02 tiết/ tuần), KHTN (02 tiết/ tuần).

- Học sinh khối 8 học các môn: Toán (4 tiết/ tuần); Văn (4 tiết/ tuần); Anh (02 tiết/ tuần), KHTN (02 tiết/ tuần).

- Học sinh khối 9 học các môn: Toán (4 tiết/ tuần); Văn (4 tiết/ tuần); Anh (02 tiết/ tuần), Lý (01 tiết/ tuần), Hóa (02 tiết/ tuần).

- Số lượng HS cụ thể:

Khối	6	7	8	9	Tổng
Số lớp	7	5	5	5	22
Số hs	331	231	185	197	944

- Kinh phí: 12,000/ tiết (căn cứ NQ số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố; Hướng dẫn số 03/HDLĐ-SGDĐT-STC ngày 26 tháng 9 năm 2022 về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động Giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở Giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng).

- Hình thức thu: Thu qua app ngân hàng.

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tỷ lệ học sinh đăng ký học thêm chưa cao.

9. Tình hình thực hiện chuyển đổi số trong các đơn vị

9.1. Kết quả thực hiện đạt được

a) Cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT, hệ thống bảo mật, an toàn – an ninh mạng

- Số phòng học thực hành tin học: 02 phòng (30 máy tính có kết nối internet).

- Số máy tính có kết nối mạng Internet: 15 máy, trong đó có 06 máy tại phòng đọc học sinh.

- Thiết bị phục vụ văn phòng: 09 máy in, 03 máy photocopy, 01 máy scan.

- 22/22 phòng học được trang bị ti vi hoặc máy chiếu.

- Hệ thống camera an ninh và loa được lắp đặt tại 22/22 phòng học, khu vực hành lang, sân trường, cổng trường.

- Sân khấu và Hội trường đều được trang bị 01 bộ thiết bị (màn hình led, loa, mic) phục vụ các buổi sinh hoạt, học tập, hội nghị, hội thảo.

- Hiện trạng kỹ thuật các thiết bị: sử dụng đảm bảo.

- Phương án bảo mật, bảo đảm an toàn an ninh thông tin: Trường có 01 ổ đĩa để lưu trữ các tài liệu của nhà trường.

b) *Củng cố hệ thống kết nối mạng Internet trong nhà trường*

- Hệ thống kết nối Internet được kết nối rộng khắp các phòng học, phòng chức năng của nhà trường.

- Thiết bị phát wifi đảm bảo ổn định phục vụ CB, GV, NV sử dụng khai thác hiệu quả Internet trong công tác quản lý và giảng dạy.

c) *Khai thác địa chỉ website của ngành và truy cập website của trường*

- Thực hiện rà soát, hoàn thiện các thông tin của nhà trường (lớp, đội ngũ, học sinh) năm học 2023 – 2024 trên CSDL ngành.

- Nghiêm túc thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định trực tiếp trên hệ thống CSDL.

- Các bộ phận trong nhà trường thường xuyên truy cập, khai thác và trao đổi thông tin qua hệ thống quản lý văn bản, email của Phòng GD&ĐT, qua Website của trường và thu thập thông tin trên Internet phục vụ công việc.

- Thành lập Ban quản lý và điều hành Website, Fanpage nhà trường. Phân công công việc cụ thể cho các thành viên phụ trách các mảng thông tin trên Website, Fanpage và thường xuyên cập nhật nội dung. Khuyến khích các thầy cô giáo trong trường có khả năng, năng lực cùng tham gia vào công tác viết bài tin, và đăng tải lên Website, Fanpage của nhà trường.

- Qua trang Website của trường, giáo viên cũng đã tích cực truy cập, chia sẻ bài giảng và các tư liệu trong quá trình dạy học.

- Số liệu cụ thể:

Tên Website: thcsvinhniem.haiphong.edu.vn

Tên Fanpage: Trường THCS Vĩnh Niệm

WEBSITE			FANPAGE		
Số bài viết của CB,GV,HS nhà trường	Số tin bài chuyên tiếp, chia sẻ	Số lượt người quan tâm, theo dõi	Số bài viết của CB,GV,HS nhà trường	Số tin bài chuyên tiếp, chia sẻ	Số lượt người quan tâm, theo dõi
118	117	4312	160	560	2500

LOA TRUYỀN THANH		SỐ LƯỢNG PANO, ÁP PHÍCH, KHẨU HIỆU	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC
Số lượng tin bài	Số lượt phát		
45	183	16	1016

d) *Ứng dụng CNTT trong dạy học*

- Nhà trường luôn chú trọng việc ứng dụng CNTT và các kỹ thuật dạy học tiên tiến, các phần mềm, các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong quá trình dạy, học và quản lý.

- Nhà trường đã sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học một cách khoa học. Các thiết bị, đồ dùng dạy học được sử dụng triệt để và đầy đủ theo phân phối chương trình của các bộ môn và phối hợp cùng với thiết bị của các lớp.

- Tổ chức tốt phong trào GV tự làm đồ dùng dạy học.

- Hàng tháng BGH kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học và ứng dụng CNTT của GV thông qua giờ dạy, sổ đăng kí mượn đồ dùng,...

- Tổng số giáo viên : 100% (38 đ/c)

+ Sử dụng thiết bị dạy học: 38/38 đ/c

+ Ứng dụng CNTT: 38/38 đ/c

- Tổng số tiết học ứng dụng CNTT: 469 tiết

- Các hoạt động khác: Các hoạt động đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong nhà trường: CB, GV tự soạn giáo án điện tử, cập nhật thường xuyên các phần mềm mới, vào mạng khai thác thông tin, tư liệu để phục vụ việc giảng dạy, quản lý.

- Triển khai sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn, thường xuyên kiểm tra tiến độ cập nhật giáo án của GV lên phần mềm.

- Bài dạy có sử dụng đồ dùng dạy học hoặc ứng dụng CNTT học sinh rất thích thú, tích cực học tập, ghi nhớ bài nhanh hơn. Trong công tác quản lý, Phổ cập giáo dục, quản lý điểm, công tác kế toán, việc ứng dụng CNTT tiết kiệm thời gian, mang lại hiệu quả cao.

e) Ứng dụng CNTT trong điều hành và quản lý

- Ứng dụng CNTT trong tổ chức các cuộc họp, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn.

- Ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ hồ sơ, sắp xếp hồ sơ: Sử dụng hệ thống CSDL ngành phục vụ quản lý thông tin học sinh, thông tin CB, GV, NV, quản lý điểm, quản lý thi; thực hiện các loại báo cáo về chất lượng học sinh; thực hiện thông tin liên lạc với PHHS; liên lạc với các bộ phận, cá nhân trong nhà trường.

- Triển khai hệ thống QLCM quản lý kế hoạch tổ, nhóm chuyên môn, kế hoạch giáo viên, kế hoạch bài dạy của giáo viên.

- Thực hiện quản lý hồ sơ giáo viên qua hệ thống QLCB và đánh giá giáo viên qua hệ thống TEMIS.

- Các đồng chí trong BGH, bộ phận kế toán, văn phòng sử dụng chung hệ thống email của nhà trường để tiếp nhận công việc và điều hành công việc theo lĩnh vực mình quản lý.

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá việc ứng dụng CNTT toàn đơn vị. Ban ứng dụng CNTT cũng đã thực hiện kiểm tra giám sát việc sử dụng hệ thống CSDL, QLCM của giáo viên, định kỳ báo cáo tình hình kịp thời trước hội đồng sư phạm.

f) *Tập huấn, bồi dưỡng về CNTT cho giáo viên, cán bộ quản lý*

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ Tin học cho giáo viên, nhân viên trong nhà trường:

+ Tổ chức tập huấn nội dung nghị định 30/2020 NĐ-CP ngày 05/3/2020 nghị định về công tác văn thư. Đến nay cơ bản các giáo viên đã biết cách soạn thảo văn bản hành chính.

+ Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp tập huấn về CNTT do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức.

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số giáo viên còn hạn chế trong kỹ năng thiết kế soạn bài giảng trình chiếu, dẫn đến hiệu quả chưa cao khi sử dụng bài giảng trong dạy học.

- Hoạt động của các thành viên trong Ban ứng dụng CNTT chưa phát huy được hiệu quả trong những nhiệm vụ được phân công, do vậy tài nguyên trên website của nhà trường còn chưa đa dạng.

III. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

1. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuẩn bị triển khai cho năm học tới; việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo chuyên môn của các cấp kịp thời, đúng quy định từ tổ, nhóm chuyên môn đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường. Đặc biệt trong năm học 2023-2024, nhà trường quan tâm chỉ đạo sát hội đồng sư phạm nhà trường thực hiện nghiêm túc, kịp thời các Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT về thực hiện Chương trình sách giáo khoa mới; Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra – đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông; Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp trung học.

- Triển khai tới các GV xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo chu kì. Các tổ, nhóm chuyên môn tiến hành rà soát chương trình và xây dựng chương trình nhà trường theo từng bộ môn, có sự phê duyệt của BGH nhà trường. Trên cơ sở đó xây dựng các chủ đề dạy học, đăng kí dạy các chuyên đề cấp trường, quận nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường đáp ứng yêu cầu của đổi mới.

- Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Thực hiện đúng chương trình giảng dạy và học tập theo kế hoạch năm học của Phòng GD&ĐT; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp THCS năm học 2023-2024 của Sở GD&ĐT.

2. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên và trưởng ban phụ huynh học sinh của các lớp để giới thiệu tổng thể về chương trình GDPT 2018 và giới thiệu chương trình lớp 8 năm học 2023 – 2024 theo chương trình GDPT 2018; Tổ chức cho tổ chuyên môn tìm hiểu 03 bộ sách giáo khoa lớp 8; Tổ chức Hội thảo, nghiên cứu về Thông tư số 01/2020/BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tổ chức tập huấn Thông Tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, theo chuyên đề, thường xuyên,...cho đội ngũ giáo viên; Tổ chức nghiên cứu sách giáo khoa, phân tích những điểm phù hợp và chưa phù hợp với đặc điểm học sinh của nhà trường...

- Thực hiện theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT trong thời gian qua, nhà trường đã lựa chọn đội ngũ giáo viên dạy lớp 8 có trình độ đào tạo chuẩn, chuyên môn vững vàng.

- 100% GV dạy lớp 8 được tập huấn đầy đủ nội dung chương trình SGK, kỹ thuật, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đủ điều kiện dạy lớp 8 theo thông tư 32 của Bộ GD&ĐT.

3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tu sửa cơ sở vật chất phòng học, đầu tư trang thiết bị cơ bản để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy lớp 6, 7, 8 Chương trình GDPT 2018.

- Các phòng học đều được trang bị 01 tivi hoặc máy chiếu để giáo viên dạy giáo án điện tử và ứng dụng các chương trình công nghệ thông tin khác phục vụ việc giảng dạy.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học cho giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học lớp 6, 7, 8 theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

4. Công tác lựa chọn sách giáo, tập huấn và cung ứng, sử dụng sách giáo khoa

- Căn cứ theo công văn chỉ đạo của Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT, ngay từ cuối năm học 2022 – 2023 nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định sách giáo khoa lớp 8 theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 01/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã nghiên cứu 03 bộ sách được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo phê duyệt, dựa trên tình hình thực tế tại địa phương, đối tượng học sinh cũng như nội dung của các bộ sách. Hội đồng thẩm định nhà trường đã lựa chọn các loại sách giáo khoa lớp 8 giảng dạy trong nhà trường năm học 2023 – 2024 như sau:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 8	Cánh diều	Đại học Sư phạm
5	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
8	Tiếng Anh 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 8	Global Success	Giáo dục Việt Nam
10	Lịch sử và Địa lí 8	Chân trời sáng tạo 1	Giáo dục Việt Nam
11	GDCD 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam

- Ngoài ra, để chuẩn bị dạy học lớp 9 theo chương trình GDPT 2018 năm học 2024 – 2025, các tổ nhóm chuyên môn đã tiến hành nghiên cứu các bộ SGK lớp 9 trong danh mục được phê duyệt và lựa chọn SGK lớp 9 giảng dạy trong nhà trường năm học 2024 – 2025. Kết quả như sau:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 9	Cánh diều	Đại học Sư phạm
5	Công nghệ 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
8	Tiếng Anh 9	Global Success	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 9	Chân trời sáng tạo 1	Giáo dục Việt Nam
10	Lịch sử và Địa lí 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
11	GDCD 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam

IV. Đánh giá chung

- Thuận lợi:

+ Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, chính quyền địa phương.

+ Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn vững vàng. Luôn học hỏi để từng bước hoàn thiện nhiệm vụ được giao.

Q. L. L.
TRƯỜNG
NGHỆ AN
NH. N.

+ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phụ huynh học sinh quan tâm và ủng hộ đến việc thực hiện chương trình giáo dục 2018.

+ Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ phục vụ cơ bản cho việc dạy học lớp 6, 7, 8 theo chương trình GDPT 2018.

- Khó khăn: HS với trình độ nhận thức khác nhau, gia đình có hoàn cảnh khác nhau nên trình độ nhận thức không đồng đều, GV rất vất vả khi truyền đạt kiến thức theo chương trình mới cho các em.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM HỌC 2024 - 2025

I. Phương hướng

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn và chính trị của nhà trường.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục học sinh yếu kém.
- Đổi mới công tác quản lý. Tăng cường nề nếp kỷ cương trong nhà trường.
- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tham mưu chỉ đạo có hiệu quả các hoạt động của hội đồng giáo dục, hội khuyến học các cấp, hội cha mẹ học sinh toàn trường và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học.
- Tăng cường sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, công tác thanh tra kiểm tra dưới hình thức kiểm tra chuyên đề hoặc kiểm tra toàn diện nhằm đánh giá đúng chất lượng đội ngũ giáo viên trong nhà trường
- Đẩy mạnh việc dạy học Tiếng Anh và Tin học. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy
- Tiếp tục đổi mới công tác khảo thí, kiểm tra, đánh giá học sinh, phản ánh đúng chất lượng học sinh.
- Cùng cố kết quả phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở, thực hiện phổ cập bậc trung học và nghề đảm bảo vững chắc 2 tiêu chí: Huy động và hiệu quả.
- Tăng cường bổ sung trang thiết bị cơ sở vật chất.

II. Nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2024-2025

1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý.
2. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông.
3. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý.
4. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.
5. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh.
6. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, bảo đảm an toàn trường học.
7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

8. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ.
 9. Tích cực tham gia các phong trào thi đua trong toàn ngành
 10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

III. Đề xuất, kiến nghị

- Kiến nghị Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức thêm các Hội thảo, các buổi tập huấn cho CB, GV.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Kết quả thu chi hoạt động

TT	TT Nội dung	liệu báo cáo quyết toán	liệu quyết toán được duyệt	lệch	toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
		3	4		
1	2	3	4	5 = 4+3	6
A	TỔNG SÒ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu92 000đ/năm	191	191		
1.3	Tổng số thu trong năm	663	663		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	854	854		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
1.6	Số chi trong năm	275	275		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	0	0		
	Chi tăng cường cơ sở vật chất	117	117		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	158	158		
	Chi khác: ...				
1.7	Số dư cuối năm	579	579		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với				
	GDMN; cả cấp học đối với GDPT)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				

CHỖ
 NG
 COS
 IEM
 ĐMC

	(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1	Dạy thêm học thêm				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	72	72		
2.1.2	Mức thu 12000đ/1 tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1883	1883		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1955	1955		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
2.1.6	Số chi trong năm	1759	1759		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1318	1318		
	Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0		
	Chi công tác quản lý, chỉ đạo	80	80		
	Chi phúc lợi	219	219		
	Chi khác: ...	142	142		
		0	0		
2.1.7	Số dư cuối năm	196	196		
3	Học nghề				
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	25	25		
3.2	Mức thu 30000đ/Tháng				
3.3	Tổng số thu trong năm	38	38		
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	63	63		
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
		37	37		
3.6	Số chi trong năm	23	23		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy Chi lệ phí học nghề	13	13		
		10	10		
3.7	Số dư cuối năm	40	40		
4	Đoàn đội				
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	20	20		
4.2	Tổng số thu trong năm	38	38		
4.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	58	58		
4.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
		38	38		
4.5	Số chi trong năm	49	49		
4.6	Số dư cuối năm	9	9		
5	Kỹ năng sống				
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	18	18		
5.2	Mức thu 48000đ/tháng				

5.3	Tổng số thu trong năm	108	108		
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	126	126		
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
5.6	Số chi trong năm	108	108		
5.7	Trong đó: Chi theo hợp đồng cho người dạy 80%	75	75		
	Chi khấu hao cơ sở vật chất 9%	56	56		
	Chi công tác quản lý, chỉ đạo 12%	0	0		
	Chi phúc lợi 9%	10	10		
	- Chi khác: ...	9	9		
		0	0		
5.8	Số dư cuối năm	51	51		
6	Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài				
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	11	11		
6.2	Mức thu 0đ/ tháng				
6.3	Tổng số thu trong năm	0	0		
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	11	11		
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	0	0		
6.6	Số chi trong năm	0	0		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng cho người dạy 85%	0	0		
	Chi khấu hao cơ sở vật chất 4.5%				
	Chi công tác quản lý 6%				
	Chi GVCN 1.5%				
	Chi GV trợ giảng 3%				
6.7	Số dư cuối năm	11	11		
7	Tiếng Nhật				
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	2	2		
7.2	Mức thu 96000đ/ tháng				
7.3	Tổng số thu trong năm	45	45		
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	47	47		
7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	45	45		
7.6	Số chi trong năm	37	37		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy 75%	34	34		
	Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0		

	6%			
	Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3	3	
	12%			
	Chi phúc lợi 7%	0	0	
	- Chi khác: ...			
7.7	Số dư cuối năm	10	10	
8	Khám sức khỏe học sinh			
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	30	30	
8.2	Mức thu 0đ			
8.3	Tổng số thu trong năm	6	6	
8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36	36	
8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	6	6	
8.6	Số chi trong năm	22	22	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng dịch vụ	22	22	
8.7	Số dư cuối năm	14	14	
9	Khuyến học			
9.1	Số dư năm trước chuyển sang	44	44	
9.2	Mức thu 0đ/năm			
9.3	Tổng số thu trong năm	14	14	
9.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	58	58	
9.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	14	14	
9.6	Số chi trong năm	26	26	
	Trong đó: - Chi nộp cấp trên	19	19	
	Chi tại trường	7	7	
9.7	Số dư cuối năm	32	32	
10	Phô tô in sao đề			
10.1	Số dư năm trước chuyển sang	16	16	
10.2	Mức thu 0đ/ tháng			
10.3	Tổng số thu trong năm	69	69	
10.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	85	85	
10.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	69	69	
10.6	Số chi trong năm	62	62	
10.7	Số dư cuối năm	23	23	
11	Số liên lạc điện tử			
11.1	Số dư năm trước chuyển sang	43	43	
11.2	Mức thu 0đ/ tháng			
11.3	Tổng số thu trong năm	92	92	
11.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	135	135	

11.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
11.6	Số chi trong năm	92	92		
11.7	Số dư cuối năm	134	134		
12	Nước uống	1	1		
12.1	Số dư năm trước chuyển sang				
12.2	Mức thu 10000đ/ tháng	22	22		
12.3	Tổng số thu trong năm				
12.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	80	80		
12.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	102	102		
12.6	Số chi trong năm	80	80		
12.7	Số dư cuối năm	61	61		
13	BHYT	41	41		
13.1	Số dư năm trước chuyển sang				
13.2	Số học sinh 805 học sinh	39	39		
13.3	Mức thu ... 563220đ/năm				
13.4	Tổng thu				
13.5	Nộp đi	490	490		
13.6	Dư	496	496		
		33	33		
14	Ban đại diện CMHS trường				
14.1	Số dư năm trước chuyển sang	69	69		
14.2	Mức thu: Không				
14.3	Tổng số thu trong năm	150	150		
14.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	219	219		
14.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	150	150		
14.6	Số chi trong năm	153	153		
14.7	Số dư cuối năm	66	66		
15	Nuôi lợn siêu trọng				
15.1	Số dư năm trước chuyển sang	3	3		
15.2	Mức thu: Không				
15.3	Tổng số thu trong năm	5	5		
15.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	8	8		
15.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	5	5		
15.6	Số chi trong năm	6	6		
15.7	Số dư cuối năm	2	2		
16	Bảo trợ trẻ em				
16.1	Số dư năm trước chuyển sang	5	5		
16.2	Mức thu: Không				

16.3	Tổng số thu trong năm	0	0		
16.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	5	5		
16.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
16.6	Số chi trong năm				
16.7	Số dư cuối năm	5	5		
17	Bảo dưỡng máy tính				
17.1	Số dư năm trước chuyển sang	13	13		
17.2	Mức thu: Không				
17.3	Tổng số thu trong năm	0	0		
17.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	13	13		
17.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)				
17.6	Số chi trong năm				
17.7	Số dư cuối năm	11	11		
18	Học vi tính	2	2		
18.1	Số dư năm trước chuyển sang				
18.2	Mức thu: Không	11	11		
18.3	Tổng số thu trong năm	0	0		
18.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0		
18.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	11	11		
18.6	Số chi trong năm	0	0		
18.7	Số dư cuối năm	0	0		
19	Trông coi xe	11	11		
19.1	Số dư năm trước chuyển sang				
19.2	Tổng số thu trong năm	0	0		
19.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	20	20		
19.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	20	20		
19.5	Số chi trong năm	20	20		
19.6	Số dư cuối năm	14	14		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6	6		
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Chi thanh toán cá nhân				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.3	Chi thanh toán cá nhân				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
2.2	Chi thanh toán cá nhân				

2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.3	Chi thanh toán cá nhân				
2.4	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	4570	4570		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4320	4320		
	Chi thanh toán cá nhân	3763	3763		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	53	53		
	Chi mua sắm sửa chữa	50	50		
	Chi khác:	454	454		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	250	250		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa	250	250		
	Chi khác:				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4570	4570		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4320	4320		
	Chi thanh toán cá nhân	3763	3763		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	53	53		
	Chi mua sắm sửa chữa	50	50		
	Chi khác:	454	454		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250	250		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa	250	250		
	Chi khác:				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
	...				

E C
 JON
 HOCH
 NH N
 ? *

III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1.1. Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

a. Đối với môn Khoa học tự nhiên

- Phân công giáo viên dạy học môn học đảm bảo yêu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên.

- Bố trí thời gian dạy học linh hoạt phù hợp với điều kiện giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường, không bắt buộc phải bố trí số tiết dạy học của các môn học đều ở tất cả các tuần, sắp xếp thời khoá biểu phù hợp cho cả năm học hoặc ít nhất trong từng học kỳ, bảo đảm số tiết/tuần theo quy định dành cho mỗi giáo viên.

b. Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Triển khai chương trình hoạt động trải nghiệm (HĐTN), hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Đầu năm học nhà trường thành lập một tổ chuyên môn tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục HĐTN, hướng nghiệp năm học. Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên; giáo viên đảm nhận nội dung nào được thể hiện trên Kế hoạch giáo dục và được tính giờ thực hiện đối với nội dung đó theo phân phối chương trình (không trùng với nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm theo quy định hiện hành).

- Các khối lớp, GV bộ môn phải xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp thực tế cụ thể trình hiệu trưởng phê duyệt. Từ đó phân phối khung thời gian thực hiện chương trình cho phù hợp, tạo điều kiện huy động sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục trong tổ chức thực hiện chương trình.

- Xây dựng Kế hoạch giáo dục trong đó xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác nhau của nhà trường bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Xây dựng một số tổ nhóm (mỗi nhóm chọn ít nhất 01 môn học), vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu học tập của học

sinh và đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp giúp học sinh lựa chọn môn học tự chọn phù hợp.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, các tổ nhóm tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế nhà trường; tăng cường sinh hoạt chuyên môn cấp quận, nâng cao chất lượng sinh hoạt của Hội đồng bộ môn, môn học toàn quận để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên.

c. Đối với nội dung của địa phương

Phân công giáo viên đảm nhiệm các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên. Xây dựng Kế hoạch dạy học các chủ đề/bài học nội dung giáo dục của địa phương phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan.

- Tích cực sử dụng tài liệu giáo dục lịch sử địa phương; Kế hoạch số 25-KH/QU ngày 19/8/2016 của Ban thường vụ Quận ủy về việc triển khai công tác giáo dục lịch sử truyền thống Đảng bộ quận Hồng Bàng, lịch sử Đảng bộ phường Hùng Vương.

1.2. Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006

- Đối với khối 9 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và rà soát chương trình nhà trường theo Công văn số 3280/ BGDD -GDTrH ngày 20/9/2021 của Bộ GD&ĐT của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS của Bộ GD&ĐT với khung thời gian 35 tuần thực học, trong đó kỳ I: 18 tuần, kỳ II: 17 tuần và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về sửa đổi bổ sung một số điều của qui chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ DG&ĐT. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học lưu ý tăng cường các nội dung bổ trợ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chuẩn bị tốt cho học sinh lớp 9 lên lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Rà soát, đối chiếu, xây dựng “Chương trình giáo dục nhà trường phổ thông”. Đề xuất phương án điều chỉnh phân phối chương trình phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, kiểm tra định kỳ, xây dựng các chủ đề dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Không cắt xén chương trình một cách tùy tiện, cơ học.

1.3. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hoá học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Triển khai dạy lồng ghép các nội dung: Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, nội dung pháp luật về phòng chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục môi trường, giáo dục an toàn giao thông, văn hoá giao thông, giáo dục phòng chống tham nhũng, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục quyền con người, giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số, giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình, giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, AIDS, ma túy, mại dâm, chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; không sử dụng đồ nhựa dùng một lần, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, phòng chống xâm hại tinh dục bạo lực học đường và gia đình trong các bài học môn học phù hợp.

1.4. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng năm 2025.

- Đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018. Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về các môn thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng để tham gia thi thể dục thể thao các cấp.

- Hướng dẫn học sinh ôn luyện bài thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi theo quy định. Đổi mới các bài tập như nhảy dân vũ, nhảy tự do để phù hợp lứa tuổi, sở thích điều kiện CSVN thực hiện của nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc phân phối chương trình, bảo đảm các điều kiện cần thiết để dạy và học bộ môn thể dục, mua sắm thêm dụng cụ thể dục thể thao, cải tạo làm mới sân tập thể dục.

1.5. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật; triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Luôn mở cửa đón nhận HS có nhu cầu hoà nhập; tạo điều kiện tốt nhất cho HS khuyết tật đến trường theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hoà nhập đối với trẻ khuyết tật.

1.6. Nâng cao hiệu quả thực hiện các chuyên đề, hội thảo, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ năm học một cách linh hoạt.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT; đánh giá rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học với thực tế nhà trường, chủ động ứng phó với các tình huống dịch bệnh và các tình huống bất thường

khác; tăng cường huy động, trao đổi, phối hợp giáo viên trong quận để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

a. Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án)

- Đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học.
 - Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng phải đảm bảo các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập và cách thức thực hiện linh hoạt để giao nhiệm vụ cho HS thực hiện trong lớp học, ngoài lớp học và cách vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn trong lớp học cũng như khi các em về nhà và ra xã hội.
 - Trong kế hoạch bài dạy đưa ra những hoạt động tăng cường việc cho HS tự nghiên cứu SGK và tài liệu tham khảo, khai thác thông tin trên Internet, để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho HS báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, kết quả học tập của mình.
 - Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hoà nhập cho HS chậm phát triển về trí tuệ trong kế hoạch giáo dục.
 - Nghiêm túc thực hiện các tiết dạy tự chọn theo đúng hướng dẫn của Phòng, Sở GD&ĐT. Có kế hoạch dạy tự chọn, và các tiết dạy phải được thể hiện ở bảng phân công lao động, thời khoá biểu, ghi nhận xét trong sổ đầu bài của lớp học.
 - Triển khai đầy đủ, có chất lượng nội dung giáo dục địa phương quy định trong chương trình hiện hành.
 - Đối với môn Lịch sử: Tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong giảng dạy môn Lịch sử.
 - Đối với môn Ngữ văn: Thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.
- ### b. Khuyến khích tổ chức, thu hút HS tham gia các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục
- thể thao trên cơ sở tự nguyện phù hợp với tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh THCS; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hoá trong dạy học một số môn học phù hợp.
- Tạo điều kiện phù hợp nhất để các em còn được mở rộng các mối quan hệ, giao lưu kết bạn nhiều hơn, xây dựng tinh thần đoàn kết tập thể, giúp các em gần gũi, biết chia sẻ, đồng viên cùng tiến bộ.



c. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong nhiệm vụ dạy và học (bao gồm ứng dụng công nghệ trong lớp học, ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, thực hiện quản lý hồ sơ của nhà trường, giáo viên bằng hồ sơ điện tử)

- Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá. Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng Công nghệ 4.0 để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (bài giảng điện tử, kho bài giảng E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm).

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a. Nội dung đánh giá

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT; đối với Chương trình GDPT 2006, không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b. Phương pháp và hình thức đánh giá

- Đa dạng hóa hình thức, phương pháp KT&ĐG theo hướng chú trọng đánh giá thường xuyên cả phẩm chất và năng lực của HS. Chú trọng đánh giá quá trình: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án; bài thuyết trình. Các hình thức KT&ĐG đều hướng tới phát triển năng lực của HS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ HS về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của HS trong quá trình dạy học. Việc KT&ĐG không chỉ là việc xem HS học được cái gì mà quan trọng hơn là biết HS học như thế nào, có biết vận dụng không; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học.

- Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá của HS; góp ý lẫn nhau của HS; đánh giá của cha mẹ HS và cộng đồng. Giáo viên nhận xét đánh giá học sinh bằng văn bản.

- Kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh phải đảm bảo tính khách quan, công bằng.

- Tổ chức chặt chẽ, đúng qui chế ở các khâu ra đề, coi, chấm, nhận xét, đánh giá HS; đảm bảo thực chất, khách quan trung thực, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của HS.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra theo ma trận với mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

- Đảm bảo đủ cơ sở điểm theo quy định, các bài kiểm tra định kì phải được tổ chức đúng thời điểm trong kế hoạch dạy học, ôn tập cho HS trước khi kiểm tra. Việc vào điểm, tính điểm, sửa điểm của HS theo quy chế.

- ĐMKTDG theo định hướng phát triển năng lực HS

+ Chủ động xây dựng ma trận đề kiểm tra kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, đảm bảo tính vừa sức, phân loại học sinh.

+ Tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn, đối với các môn KHXH và Nhân văn cần tăng cường ra các câu hỏi mở; gắn với thời sự quê hương, đất nước để HS được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

+ Bồi dưỡng kỹ năng ra đề tại nhóm chuyên môn. Đề phải đủ ma trận, đề, đáp án biểu điểm rõ ràng. Nội dung đề phải tăng mức độ thông hiểu và vận dụng, đảm bảo đủ mức độ nhận biết. Hạn chế việc ra đề có câu hỏi ghi nhớ kiến thức một cách máy móc.

+ Nâng cao chất lượng kiểm tra, thi bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và triển khai phần tự luận trong các bài kiểm tra viết, vận dụng định dạng đề thi tiếng Anh đối với HS chương trình tiếng Anh mới.

+ Tăng cường ra câu hỏi theo định hướng phát triển năng lực HS để bổ sung thư viện câu hỏi. Tăng cường xây dựng “nguồn học liệu mở”. GV, HS tăng cường diễn đàn trên trường học kết nối về ĐMKTDG theo định hướng phát triển năng lực HS.

+ Bài kiểm tra phải có lời phê, nhận xét đánh giá bài làm của HS, động viên sự tiến bộ của HS. GV cho điểm đảm bảo chính xác, khách quan công bằng.

+ Việc chấm điểm kiểm tra thường xuyên kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với việc theo dõi tiến bộ của HS. Nếu kết quả bài kiểm giữa kỳ không phù hợp với nhận xét trong quá trình học, giáo viên tìm hiểu rõ nguyên nhân, báo cáo BGH thấy hợp lý có thể cho kiểm tra lại.

+ Bài kiểm tra khảo sát đầu năm, giữa kì, cuối kì được chấm chung tại trường. Kết quả công khai bảng tin chung toàn trường. Thông báo cho PHHS biết một cách kịp thời. Giao khoán chỉ tiêu chất lượng đến từng GV và HS.

+ Trong Kế hoạch dạy học của GV phải thể hiện phần nhận xét, rút kinh nghiệm qua việc trả bài cho HS để điều chỉnh cách dạy cho phù hợp.

- Tháng 11, tháng 3 kiểm tra đánh giá chất lượng DT-HT

- Tháng 1,2,4,5 kiểm tra chất lượng lớp 9 (đề thi theo dạng đề thi vào 10).

- Khuyến khích xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra.

- Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chính xác kết quả học tập về tính trung thực, khách quan, công bằng. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của BGD&ĐT đối với khối 6,7,8 và khuyến khích

vận dụng kiểm tra đánh giá theo Công văn này đối với khối 9. Đối với môn Lịch sử tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ, câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của bản thân về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện một cách máy móc.

c. Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo qui định Thông tư số 22/2021/TT-BGD ngày 20//2021 của Bộ trưởng BGDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp HS không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu thì nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

d. Xây dựng phương án sẵn sàng học và tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực, đánh giá đúng năng lực của học sinh.

- Phối hợp với các bên cung cấp dịch vụ như VNPT, onluyen...để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trực tuyến.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Phân luồng cho HS cuối cấp là nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động hướng nghiệp. Tích hợp giữa HĐGDHN và giáo dục ngoài giờ lên lớp (GDNGLL). Thời lượng hoạt động hướng nghiệp cho HS lớp 9 đúng chương trình qui định của BGD&ĐT. Đa dạng hoá hình thức cho phù hợp và thiết thực trong việc tổ chức HĐGDHN vào chủ điểm tháng 9 và tháng 3 của năm học. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện học STEM trong trường theo hướng dẫn của các cấp.

5. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi

a. Công tác giáo viên dạy giỏi

Nâng cao chất lượng và số lượng giải trong các cuộc thi do SGD và PGD tổ chức như thi GVCN giỏi. GV giỏi các cấp, thầy cô trong mắt em, hình ảnh người thầy trong cuộc sống.

Khích lệ cán bộ, giáo viên viết sáng kiến, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

b. Công tác học sinh giỏi

Nhà trường có chương trình, kế hoạch hội thảo nâng cao chất lượng HSG theo chỉ đạo công tác thi chọn HSG của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận Lê Chân. Đây là công tác mũi nhọn.

Thi HSG cấp trường để chọn đội tuyển tham gia HSG các cấp.

- Thi trực tuyến, hội nhập do các công ty giáo dục tổ chức.

